**Giáo án STEAM**

Tên đề tài: Tìm hiểu đôi dép

Lứa tuổi nhà trẻ 24 tháng

**I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU:**

**1.Kiến thức:**

- Khoa học: Trẻ nhận biết tên gọi, bộ phận của đôi dép: quai dép, đế dép

- Công nghệ: Trẻ biết cách sử dụng các loại dép: dép lê, dép quai hậu

- Kỹ thuật: Trẻ biết thực hiện những thao tác trong quy trình đi dép

- Toán học: Nhận biết khái niệm “Đôi dép” có 2 chiếc, 1 chiếc cho 1 chân

**2. Kỹ năng:**

+ Kỹ năng quan sát, ghi nhớ có chủ định

+ Kỹ năng nghe và hiểu, thực hiện theo hiệu lệnh của cô

**3. Giáo dục**

- Trẻ tích cực, vui vẻ tham gia vào hoạt động.

- Có ý thức giữ gìn, bảo vệ đôi bàn chân

**II. CHUẨN BỊ VẬT LIỆU**

+ Mỗi trẻ 1 đôi dép đi trong nhà (dép tổ ong)

+ Hộp quà đựng 3đôi dép cho mỗi nhóm

+ 5 đôi dép quai hậu và 1 tranh minh họa quy trình đi dép cho trẻ

+ Ghế ngồi, gương to soi toàn thân cho trẻ

+ Hình ảnh các đôi dép cắt rời/ hình ảnh giá dép có định vị chấm cho trẻ gắn đôi dép

**III. HƯỚNG DẪN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các bước** | **T.gian** | **HĐ của học sinh** | **HĐ của giáo viên** |
| **1. Gắn kết** | **5 phút** | - Trẻ chơi trò chơi: Trời tối/ trời sáng | - GV tập trung trẻ tạo bối cảnh là món quà của cô mua cho mỗi bạn 1 đôi dép đi trong nhà: nhưng dép của các bạn bị lẫn lộn với nhau. làm thế nào để chọn cho mỗi bạn 1 đôi dép đi vừa chân và thoải mái? |
| **2. Khám phá**  **(khảo sát):** | **7 phút** | - Trẻ ngồi theo nhóm, mỗi nhóm hoạt động cùng cô giáo:  trẻ chọn 2 dép, đi thử và nói lên điều trẻ cảm thấy: dễ chịu (2 dép đi cùng chiều), khó chịu, thích và không thích(dép đi ngược chiều)  - Trẻ đặt 2 dép cạnh nhau và quan sát để nhận biết “đôi dép” theo dấu hiệu: giống nhau/ mũi dép chụm vào nhau  -Trẻ tìm và ghép 2 chiếc dép thành đôi và nhận biết đôi dép của mình | - Giáo viên đưa mỗi nhóm 1 hộp quà có 3 đôi dép ra cho trẻ quan sát nhận biết, gọi tên dép   - GV hướng dẫn trẻ tìm hiểu đôi dép theo quy trình: Chọn 2 dép, đi thử, cảm nhận: dễ chịu hay khó chịu? vì sao?  - GV cho bé đặt dép cạnh nhau và nhận biết đôi dép: 2 chiếc giống nhau, có mũi dép chụm vào nhau |
| **3. Giải thích (chia sẻ)** | **5 phút** | - Trẻ nói : 2 dép giống nhau, mũi dép chụm vào nhau | - GV hỏi trẻ cách tìm được 1 đôi dép |
| **4. Áp dụng** | **10 phút** | **-** Thử thách 1: Mỗi bạn tìm 1 đôi dép (trẻ chọn hình ảnh của 2 chiếc dép trong 1 đôi và gắn lên hình ảnh giá dép theo hướng dấn  - Thử thách 2: Thi đi dép quai hậu theo quy trình: ngồi ghế, quan sát và lấy dép đúng đôi; đặt cả 2 chiếc quay mũi dép ra ngoài xỏ 1 chân vào 1 dép, cài quai…  - Trẻ soi gương và ngắm đôi chân của mình khi đi dép kết hợp đọc bài thơ “Đôi dép” | **-**GV tổ chức cho bé tìm dép theo đôi  -Trò chơi : Ai nhanh hơn |
| **5. Đánh giá** |  |  | - GV quan sát và đánh giá kiến thức của trẻ để đưa ra hoạt động phù hợp với từng đối tượng trẻ |

**\* Đánh giá trẻ hàng ngày (Đánh giá những vấn đề nổi bật về: Tình hình sức khỏe; trạng thái cảm xúc; thái độ và hành vi của trẻ; kiến thức, kỹ năng của trẻ)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Ưu điểm** | **Hạn chế** | **Cải thiện** |
| ........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ | ....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... | ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................. |

**Giáo án lĩnh vực phát triển ngôn ngữ**

Tên đề tài: Đọc thơ “Yêu mẹ”

Lứa tuổi nhà trẻ 24 tháng

**I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU:**

**1.Kiến thức:**

- Khoa học: Nhận biết một số công việc hàng ngày của mẹ và nhận ra tình cảm của mẹ với bé

- Công nghệ: Trẻ phối hợp với cô tạo video, dùng thiệp gửi lời yêu thương tới mẹ của mình

- Kỹ thuật: Trẻ đọc thơ nối theo cô rõ ràng; biết thực hiện các bước, các thao tác trang trí chiếc thiệp tặng mẹ.

- Toán học: Trẻ nhận biết dáng cao - thấp; nhận biết biểu tượng thời gian buổi sáng: khi mẹ thức dậy, đi làm

**2. Kỹ năng:**

+ Kỹ năng lắng nghe, đọc theo, nối từ trong câu

+ Kỹ năng giao tiếp

**3. Giáo dục**

- Trẻ tích cực, vui vẻ tham gia vào hoạt động.

- Thể hiện tình cảm với mẹ qua hành động và lời nói

**II. CHUẨN BỊ VẬT LIỆU**

+ Bức ảnh của mẹ

+ Họa tiết rời, bút sáp, thiệp màu trơn, hồ dán

**III. HƯỚNG DẪN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các bước** | **T.gian** | **HĐ của học sinh** | **HĐ của giáo viên** |
| **1. Gắn kết** | **5 phút** |  | - GV tập trung trẻ và đưa ra một hộp quà  - GV tạo hình huống trẻ giới thiệu về mẹ qua ảnh  - Cô có bài thơ rất hay nói về mẹ của con đấy, cô đọc cho con nghe nhé |
| **2. Khám phá**  **(khảo sát):** | **7 phút** | - Trả lời câu hỏi về nội dung bài thơ  -Trẻ đọc thơ cùng cô (sau mỗi câu trả lời 1 - 2 lần) | - Giáo viên giới thiệu bài thơ và đọc diễn cảm cho trẻ nghe  -Trò chuyện với trẻ: Bài thơ nói về ai đấy?  - Mẹ đi đâu?  - Mẹ làm gì?  - Cho ai?  -GV trò chuyện và gợi ý cho trẻ lựa chọn cách đọc thơ diễn cảm |
| **3. Giải thích (chia sẻ)** | **5 phút** | -Trẻ đọc cả bài thơ theo cô  - Trẻ tập nói tình cảm của mình dành cho mẹ | - GV trò chuyện với trẻ và hướng dẫn trẻ cách thể hiện tình cảm với mẹ:Bạn nào yêu mẹ của mình? Yêu mẹ con sẽ nói gì? ai thích ôm mẹ? ai thích thơm mẹ… |
| **4. Áp dụng** | **10 phút** | **-** Trẻ tham gia hoạt động đọc thơ tặng mẹ  - Trẻ nói lời yêu tới mẹ  - Trẻ trang trí thiệp tặng mẹ | **-**GV tổ chức cho trẻ đọc thơ/ nói lời yêu và quay lại video gửi cho PH |
| **5. Đánh giá** |  |  | - GV quan sát và đánh giá trẻ về kỹ năng đọc thuộc, thể hiện tình cảm trong khi đọc thơ  Sử dụng lời nói tích cực thể hiện tình cảm với mẹ |

**\* Đánh giá trẻ hàng ngày (Đánh giá những vấn đề nổi bật về: Tình hình sức khỏe; trạng thái cảm xúc; thái độ và hành vi của trẻ; kiến thức, kỹ năng của trẻ)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Ưu điểm** | **Hạn chế** | **Cải thiện** |
| **........................................................................................................................................................................................................................................................................................** | **........................................................................................................................................................................................................................................................................................** | **................................................................................................................................................................................................................................................................................** |

**GIÁO ÁN TẬP VẬN ĐỘNG**

Đề tài: Đi trong đường hẹp

Lứa tuổi: Trẻ nhà trẻ (24 – 36 tháng)

**I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU:**

**1.Kiến thức:**

- Khoa học: Trẻ khám phá và cảm nhận tư thế thẳng của cơ thể

- Công nghệ: Trẻ biết cách sử dụng quyển sách đội lên đầu, dựa lưng vào tường tạo dáng đứng/ đi thẳng

- Kỹ thuật: Trẻ biết thực hiện quy trình vận động theo các hiệu lênh của cô giáo

- Toán học: Trẻ nhận biết tư thế: thẳng lưng, xác định vị trí: phía trước, sau, hẹp rộng

**2. Kỹ năng:**

+ Trẻ quan sát và ghi nhớ có chủ định

+ Kỹ năng nghe, hiểu và làm theo hiệu lệnh khi tập: Chuẩn bị- bắt đầu

**3. Giáo dục**

- Trẻ tích cực, vui vẻ tham gia vào hoạt động vận động.

- Rèn sự tự tin, chủ động cho trẻ, khéo léo trong vận động

**II. CHUẨN BỊ VẬT LIỆU**

- Nhạc vui nhộn

- 1 chiếc khăn quàng của người lớn (mềm, rộng)

- Một quyển sách dầy, hộp quà hoặc giỏ hoa để phía đích

- Video người mẫu biểu diễn thời trang

**III. HƯỚNG DẪN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các bước** | **T.gian** | **HĐ của học sinh** | **HĐ của giáo viên** |
| **1. Gắn kết** | **5 phút** | -Trẻ chơi trò chơi  -Trẻ nhận biết người mẫu đi trên sân khấu biểu diễn thời trang    Trẻ tập động tác khởi động cùng cô trên nền nhạc vui nhộn | - GV tập trung trẻ và tạo bối cảnh người mẫu xuất hiện qua video  - GV trò chuyện với trẻ về người mẫu: người mẫu biểu diễn ở đâu? bước đi như thế nào?  Bạn nào thích làm người mẫu?  Chúng ta cùng khởi động trước nhé |
| **2. Khám phá**  **(khảo sát):** | **7 phút** | - Trẻ quan sát và nhận biết bước đi của người mẫu: đứng thẳng: hai tay chống hông, đặt bàn chân thẳng để bước đi về trước  -Trẻ tập bước đi trong đường hẹp theo ý thích của mình | - Giáo viên trò chuyện với trẻ về dáng đi của người mẫu:  Con thấy người mẫu đứng/ đi như thế nào? Khuyến khích trẻ mô tả, bắt chước dáng đi của người mẫu  -GV hướng dẫn cho trẻ thực hiện dáng bước đi thẳng trong đường hẹp theo hiệu lệnh:“Chuẩn bị”: đứng trước vạch xuất phát, mắt nhìn trước (lá cờ) nâng cằm, thẳng lưng  “Đi”: trẻ đặt bàn chân thẳng bước đi trong đường hẹp tiến về đích (lá cờ) hoặc gắn bông hoa lên bảng |
| **3. Giải thích (chia sẻ)** | **5 phút** | - Trẻ nói lại cách bước đi trong đường hẹp của mình: con đi đường màu xanh, con đặt bàn chân vào giữa... |  |
| **4. Áp dụng** | **10 phút** | -Trẻ tập bước đi với nhiều đường hẹp kích thước khác nhau  -Trẻ tập bước đi trong đường hẹp theo quy trình: xếp hàng, xuất phát từ vạch, tới đích và quay trở lại về vị trí ngồi  Trẻ nối nhau bước đi lần lượt    - Trẻ thử sức với vận động đứng giữ thăng bằng quyển sách trên đầu và bước đi  - Trẻ tham gia hoạt động biểu diễn thời trang trên nền nhạc vui vẻ cùng cô | -GV tạo bối cảnh nhiều đường hẹp có kích thước khác nhau, trò chuyện với trẻ: Làm thế nào để đi qua đoạn đường này…  Thử thách: Đi trong đường hẹp (2m x 30cm)    Thử thách: “Ai khéo hơn” GV tổ chức cho trẻ tập vận động đứng hoặc bước đi trên đầu đặt 1 quyển sách  GV buộc cho các bé mỗi bé 1 khăn choàng, cùng trẻ tham gia bước đi biểu diễn thời trang trên nền nhạc và sân khấu (khu vực mặt sàn cao hơn) |
| **5. Đánh giá** |  |  | - GV quan sát và đánh giá kỹ năng bước đi của trẻ: đặt bàn chân thẳng, thẳng lưng, mắt nhìn trước |

**\* Đánh giá trẻ hàng ngày (Đánh giá những vấn đề nổi bật về: Tình hình sức khỏe; trạng thái cảm xúc; thái độ và hành vi của trẻ; kiến thức, kỹ năng của trẻ)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Ưu điểm** | **Hạn chế** | **Cải thiện** |
| **........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................** | **.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................** | **.................................................................................................................................................................................................................................** |

**GIÁO ÁN STEAM**

**Chủ đề: NHỮNG CON VẬT NGỘ NGHĨNH**

**ĐỐI TƯỢNG: 1-3 TUỔI**

**I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU:**

**1.Kiến thức:**

- Khoa học: Bé nhận biết gọi tên các con vật và đặc điểm nổi bật của chúng: Con voi: tai to, vòi dài; Con ngựa vằn: có vằn đen trên thân; Con hươu cao cổ

- Công nghệ: Trẻ biết cách sử dụng bột mỳ ướt, túi zip.

- Kỹ thuật: Trẻ biết thực hiện những thao tác quy trình hoạt động: gạt, miết túi màu tìm con vật: Bóp hoặc bẻ trứng bột mì để tìm con vật bên trong.

- Toán học: Nhận biết kích thước to – nhỏ, cao –thấp

**2. Kỹ năng:**

+ Trẻ quan sát và ghi nhớ có chủ định

+ Kỹ năng: Kỹ năng nghe, hiểu và làm theo hiệu lệnh của người lớn; Phát âm rõ ràng các từ mới “ ngựa vằn”, “ đà điểu”.

**3. Giáo dục**

- Trẻ tích cực, vui vẻ tham gia vào hoạt động.

- Lấy cất đồ dùng đúng nơi quy định.

**II. CHUẨN BỊ VẬT LIỆU**

+ Video khoa học về các loài côn trùng

 + 1 khay có thành cao cho trẻ chơi, khăn lau tay, khăn lau bàn.

+ Thảm chơi

+ 4-5 quả trứng làm từ bột mì bên trong có các con vật nhỏ đồ chơi bị giấu.

+ 1 khăn tắm to

+ 1 túi zip bên trong đựng bột mì ướt

+ 2 tờ giấy A4 có in hình các con vật ngộ nghĩnh.

**III. HƯỚNG DẪN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các bước** | **T.gian** | **HĐ của học sinh** | **HĐ của giáo viên** |
| **1. Gắn kết** | **5 phút** | -Trẻ xem phim hoạt hình và nhận biết, gọi tên các con vật, đặc điểm nổi bật của chúng | - GV tập trung trẻ và mở video về các con vật  - GV tạo hình huống trẻ nhận biết tên gọi, các bộ phận nổi bật, đặc trưng của các con vật: voi, ngựa văn, hươu cao cổ |
| **2. Khám phá**  **(khảo sát):** | **7 phút** | - Trẻ nhận biết gọi tên các con vật  - Trẻ chỉ ra các điểm đặc biệt của con vật và thực hiện vận động bắt chước, tạo dáng các con vật đó:  - Hươu cao cổ: đứng vươn cổ và mắt nhìn lên trên  - Voi: dùng tay đưa lên gần mũi và lúc lắc vòi... | - Giáo viên đưa ra các bức tranh là các con vật bị che một phần cơ thể- khuyến khích trẻ quan sát và nhận biết, gọi tên con vật  - Gợi ý trẻ nhận ra đặc điểm nổi bật của con vật  - Khuyến khích trẻ mô tả, bắt chước vận động giống con vật đó |
| **3. Giải thích (chia sẻ)** | **5 phút** | - Trẻ chia sẻ về con vật mình thích qua việc chọn mô hình con vật và giới thiệu: “Con thích con voi, con thích vòi của con voi…” | - GV tổ chức cho trẻ chia sẻ, giới thiệu các con vật mình thích: chọn mô hình con vật và nói về điểm đáng yêu của con vật theo mẫu câu: Con thích con voi, con voi có vòi dài... |
| **4. Áp dụng** | **10 phút** | **-** Trẻ tham gia thử thách bẻ, bóp quả trứng bằng bột mi để tìm ra mô hinh các con vật được giâu bên trong (Cô giáo có thể giấu những những con vật ở nhiều chỗ khác nhau trong lớp để khuyến khích trẻ tìm)  - Trò chơi: “Con vật trốn ở đâu” trẻ dùng ngón tay miết bột mi trong túi di chuyển, gạt bột để lộ ra những hình ảnh của các con vật trong bức tranh trên giấy A4 bị che khuất  - Vận động theo nhạc bài “ Walking in the junger" |  |
| **5. Đánh giá** |  |  | - GV quan sát và đánh giá kiến thức của trẻ để đưa ra hoạt động phù hợp với từng đối tượng trẻ |

**\* Đánh giá trẻ hàng ngày (Đánh giá những vấn đề nổi bật về: Tình hình sức khỏe; trạng thái cảm xúc; thái độ và hành vi của trẻ; kiến thức, kỹ năng của trẻ)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Ưu điểm** | **Hạn chế** | **Cải thiện** |
| **........................................................................................................................................................................................................** | **........................................................................................................................................................................................................** | **.................................................................................................................................................................................................................................** |

**GIÁO ÁN STEAM**

Đề tài: Nhận biết, tìm hiểu quả cam

Lứa tuổi: Trẻ nhà trẻ (24 – 36 tháng)

**I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU:**

**1.Kiến thức:**

- Khoa học: Trẻ khám phá và nhận biết gọi tên và các bộ phận quả cam từ ngoài vào trong: vỏ, múi, tép, hạt.

- Công nghệ: Trẻ biết cách sử dụng dụng cụ vắt cam

- Kỹ thuật: Kỹ năng bóc vỏ, tách múi; trẻ học quy trình vắt nước cam: vắt nước - bỏ hạt - thêm nước hoặc đường nếu muốn

- Toán học: Trẻ nhận biết kích thước to, nhỏ; màu sắc, hình dạng: hình tròn

**2. Kỹ năng:**

+ Trẻ quan sát và ghi nhớ có chủ định

+ Kỹ năng nghe, hiểu và làm theo yêu cầu của người lớn

**3. Giáo dục**

- Trẻ tích cực, vui vẻ tham gia vào hoạt động

- Rèn vận động khéo léo của đôi tay thông qua vận động tách, bóc vỏ

**II. CHUẨN BỊ VẬT LIỆU**

- 1 Giỏ cam có nhiều loại: cam vỏ xanh, vỏ cam, cam dáng tròn, dáng dẹt

- 1 dụng cụ vắt cam, nước lọc, cốc, hũ đường nhỏ

- Các rổ đựng các bộ phận rời của quả cam có gắn tên gọi: vỏ, múi, hạt

- 1 bảng chia 2 cột: 1 cột mặt cười, một cột mặt mếu

- Hình ảnh mô tả quy trình pha nước cam

**III. HƯỚNG DẪN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các bước** | **T.gian** | **HĐ của trẻ** | **HĐ của giáo viên** |
| **1. Gắn kết** | **5 phút** | -Trẻ chơi “Chơi cùng chiếc túi giác quan”  -Trẻ nhận biết gọi tên quả cam | - GV trẻ sờ và  - GV trò chuyện với trẻ về quả cam: tên gọi, mùi vị…  GV đặt câu hỏi: làm thế nào để ăn được cam và quả cam nào ngọt? |
| **2. Khám phá**  **(khảo sát):** | **7 phút** | - Trẻ khám phá, nhận biết quả cam qua hoạt động quan sát: màu sắc, mùi thơm  -Trẻ về bàn theo nhóm tìm hiểu quả cam: Trẻ bóc cam, khám phá và nhận biết, gọi tên các bộ phận: vỏ cam-bóp vỏ cam lên tờ giấy trắng nhận biết tinh dầu; bóc tách múi cam  -Trẻ nếm múi cam và cảm nhận vị, gắn biểu tượng mặt mếu, mặt cười tương ứng với cột có hình ảnh của quả cam  -Trẻ phân loại các bộ phận của quả cam bằng cách bỏ các bộ phận vào các rổ tương ứng có gắn tên | - Giáo viên trò chuyện với trẻ về quả cam: con có quả gì? quả cam có những gì? làm thế nào để ăn cam?  -Mỗi GV hướng dẫn 1 nhóm trẻ quan sát các bộ phận từ ngoài vào trong theo thứ tự: vỏ, múi,tép, hạt  - GV cho trẻ nếm phần ăn được của cam: múi  - GV hướng dẫn trẻ đặt các bộ phận rời của quả cam vào các rổ tương ứng, có ghi tên: vỏ, múi, hạt |
| **3. Giải thích (chia sẻ)** | **5 phút** | - Trẻ giới thiệu và gọi tên các bộ phận của quả cam  - Trẻ chọn những quả cam ngọt để riêng ra 1 đĩa | - GV hỏi trẻ: nhận biết bộ phận quả cam |
| **4. Áp dụng** | **10 phút** | -Trẻ chọn nguyên vật liệu và làm theo quy trình pha nước cam  - Trẻ thưởng thức và chia sẻ về nước cam mình pha: ngọt, nhạt... | Hoạt động: Pha nước cam    GV giới thiệu quy trình pha nước cam  (Cam cô giáo cắt đôi giúp trẻ) |
| **5. Đánh giá** |  |  | - GV quan sát và đánh giá hiểu biết của trẻ về quả cam/ quy trình và kỹ năng sử dụng đồ dùng pha nước cam, vận động khéo của trẻ |

**\* Đánh giá trẻ hàng ngày (Đánh giá những vấn đề nổi bật về: Tình hình sức khỏe; trạng thái cảm xúc; thái độ và hành vi của trẻ; kiến thức, kỹ năng của trẻ)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Ưu điểm** | **Hạn chế** | **Cải thiện** |
| **........................................................................................................................................................................................................................................................................................** | **......................................................................................................................................................................................................................................................................................................** | **................................................................................................................................................................................................................................................** |

**GIÁO ÁN THỬ THÁCH XÂY THÁP**

**Đối tượng: Trẻ 5-6 tuổi**

**I.MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU:**

**1.Kiến thức:**

**\* Khoa học:** Trẻ khám phá về đặc điểm, hình dạng, cấu tạo của tháp: Là những công trình kiến trúc cao, nhiều tầng, thường có chiều cao lớn hơn nhiều lần bề ngang của nó. Giống như các tòa nhà cao tầng (rất cao).  Tháp thường có cấu tạo nhiều tầng cao, các tầng sắp xếp cân đối với chân tháp sao cho  đỉnh tháp nhỏ hơn chân tháp và tháp có thể tự đứng được chắc chắn trên mặt phẳng. Trẻ biết một số loại tháp: Tháp rùa, tháp bút, tháp chuông…. và một số cấu trúc tháp.

**\* Công nghệ:** Biết sử dụng các nguyên vật liệu, dụng cụ: kéo, thước kẻ, video, máy tính để tìm kiếm thông tin, thiết kế, xây tháp.

**\* Kỹ thuật:** Trẻ vẽ bản thiết kế tòa tháp, quy trình xây dựng tòa tháp của nhóm mình.

**\* Nghệ Thuật :** Sắp xếp, trang trí đẹp mắt, gọn gàng.

**\* Toán:** Trẻ thực hành phép đo, số đếm, sắp xếp theo quy tắc, trọng lượng, hình khối.....

**\* Yêu cầu:**

+ Thời gian thiết kế và thi công tháp là 20 phút.

+ Sản phẩm trình bày theo bản thiết kế

+ Có cấu tạo nhiều tầng, chân tháp vững chắc và rộng hơn đỉnh tháp.

+ Tháp phải tự đứng vững trên mặt phẳng (không có sự trợ giúp trẻ ví dụ giữ tay)

**2. Kỹ năng**:

- Trẻ có kỹ năng hoạt động nhóm: thảo luận, phối hợp, phản biện...

- Có kỹ năng quan sát, đánh giá và lựa chọn và sử dụng nguyên liệu phù hợp.

- Phát triển tư duy, khả năng tưởng tượng, sáng tạo, khéo léo khi thiết kế tòa tháp

**3. Giáo dục**

- Trẻ tích cực, phối hợp và đoàn kết trong giờ học, biết giữ gìn sản phẩm mình tạo ra.

**II. CHUẨN BỊ.**

**Mỗi nhóm:**

+ 20 que kem gỗ

+ 5 lõi giấy vệ sinh

+ 20 Thanh gỗ kapla

+ Cây kéo.

+ 1 cái thước kẻ

+ 2 Giấy bìa cứng

Đặt tất cả các vật dụng trên bàn hoặc khay và mời trẻ lên kế hoạch thiết kế và xây dựng tòa tháp cao nhất! Thử thách tháp có thể được thực hiện riêng lẻ hoặc theo nhóm nhỏ. Trẻ được sử dụng những nguyên liệu được cung cấp không được sử dụng nhiều hơn.

- Địa điểm tổ chức: Trong lớp học.

**II. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các bước** | **Thời lượng** | **HĐ của học sinh** | **HĐ của giáo viên** |
| **1. HỎI** |  | - Trả lời câu hỏi.  - Thảo luận và chia sẻ ý kiến của mình.  - Đặt câu hỏi,đưa ra thắc mắc cần làm sáng tỏ. | Xác định vấn đề:  Tạo bối cảnh: Xem video hình ảnh một số công trình tháp ở Hà Nội( có cảnh tháp rùa, tháp bút, chùa 1 cột, tháp chuông…)  Đặt câu hỏi 5W 1H (AI? CÁI GÌ? Ở ĐÂU? KHI NÀO?TẠI SAO? NHƯ THẾ NÀO?):  - Các con vừa xem video về điều gì?  - Trong video có những hình ảnh gì?  - Con đã thấy …. ở đâu?  - Vì sao những công trình này lại được gọi là tháp nhỉ? (Những công trình có hình dáng như thế nào thì được gọi là tháp?)  - Con biết những tòa tháp nào khác nữa?  - Các tòa tháp có những đặc điểm gì?  - Đưa ra thử thách xây tòa tháp cao nhất. |
| **2. TƯỞNG TƯỢNG** | 7 phút | - Trẻ đưa ra giải pháp xếp tháp cao, đẹp, đứng vững hơn...  Trẻ cùng nhau tìm hiểu kiến thức về cấu trúc, hình dáng đặc điểm của một số tháp qua sách, video, hình ảnh. | - Cô cho trẻ xem video hoặc cô chuẩn bị một số sách, hình ảnh, mẫu tháp nổi tiếng, quy trình mẫu thiết kế cho trẻ quan sát các bước.  - Đặt câu hỏi để kích thích trẻ tưởng tượng, trẻ nói ra ý tưởng của mình:  + Tháp có hình dạng như thế nào?  + Cấu tạo tháp gồm mấy phần?  + Điều gì giúp tháp đứng vững chắc?  …….  - Ghi nhận ý tưởng của trẻ. |
| **3. LẬP KẾ HOẠCH** | 10 phút | - Trẻ thảo luận, thống nhất ý tưởng, chọn nguyên vật liệu phù hợp để xây cầu, vẽ bản thiết kế tòa tháp của nhóm mình ra giấy. | - Hỗ trợ, chia nhóm.  - Đặt câu hỏi để trẻ nói ra ý tưởng, cách làm của nhóm mình:  + Con sử dụng những nguyên liệu gì để xếp tháp?  + Con thiết kế tòa tháp mấy tầng? (cao bao nhiêu), có những bộ phận gì?  +  - Quan sát, ghi nhận ý tưởng của trẻ. |
| **4. THỰC HIỆN** | 10 phút | - Trẻ phân công nhiệm vụ cho các bạn trong nhóm và bắt đầu xây dựng.  - Trẻ vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học và sử dụng các phương tiện hỗ trợ sẵn có để hoàn thành sản phẩm | GV hỗ trợ các nhóm trong quá trình thực hiện.  Chú ý quan sát quá trình trẻ thực hiện.  - Đặt các câu hỏi để trẻ nói lên ý tưởng, cách thực hiện, khó khăn trong quá trình thực hiện và các câu hỏi hỗ trợ trẻ tư duy đưa ra giải pháp khắc phục. |
| **5. CẢI TIẾN** |  | - Trẻ thử nghiệm sự vững chắc của tòa tháp khi đứng độc lập.  - Trẻ cải tiến nếu tòa tháp bị thấp, đứng không vững, đổ... trẻ tìm giải pháp cải thiện. Nếu tòa tháp cao, chắc chắn, trẻ nghiên cứu để có thể xây tòa tháp cao hơn nữa, trang trí cho tòa tháp hoàn hảo hơn ví dụ: biển tên, đèn nháy, ngôi sao....  - Trẻ chia sẻ, thuyết trình về sản phẩm của nhóm, kinh nghiệm rút ra khi thực hiện. | - GV quan sát và đánh giá trẻ xem đã nắm được chưa?  - Đối với trẻ đã hoàn thành được sản phẩm cho trẻ gợi ý trang trí, thiết kế thêm các bộ phận.  - Đối với trẻ chưa làm được cô gợi ý, hỗ trợ để trẻ thực hiện được nhiệm vụ.  - Cho trẻ chia sẻ thuyết trình về sản phẩm. |

**\* Đánh giá trẻ hàng ngày** (Đánh giá những vấn đề nổi bật về: Tình hình sức khỏe; trạng thái cảm xúc; thái độ và hành vi của trẻ; kiến thức, kỹ năng của trẻ)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Ưu điểm** | **Hạn chế** | **Cải thiện** |
| **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................** | **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **...............................................** | **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **..........................**  **..............................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................**  **..........................** |

**GIÁO ÁN THỬ THÁCH XÂY CẦU**

**Đối tượng: Trẻ 5-6 tuổi**

**I.MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU:**

**1.Kiến thức:**

**\* Khoa học:** Trẻ tìm hiểu về một số loại cầu: cầu bê tông, cầu gỗ, cầu tre, cầu khỉ, cầu có dây văng,..Cấu tạo cây cầu gồm các bộ phận: Trụ cầu , mặt cầu, lan can, dây văng….

**\* Công nghệ:** Biết sử dụng các dụng cụ, nguyên vật liệu: kéo, thước kẻ…. để tạo mô hình cây cầu, máy ảnh hoặc điện thoại để chụp hình thành phẩm của mình.

**\* Kỹ thuật:** Trẻ thiết kế và thực hiện chiến lược xây dựng cây cầu, quy trình xây dựng dựng cây cầu của nhóm mình. kỹ thuật đo, cắt, vẽ….

**\* Nghệ Thuật :** Cây được xây dựng cân đối, đủ các bộ phận, trang trí đẹp mắt, gọn gàng, màu sắc hài hòa...

**\* Toán:** Trẻ sẽ khám phá phép đo, số đếm, hình khối...

**\* Yêu cầu:**

+ Mỗi nhóm sẽ có 20 phút để đưa ra chiến lược và xây dựng cầu

+ Mỗi nhóm lựa chọn 1 loại nguyên vật liệu: ống hút, que kem gỗ, lego để xây cầu

+ Cây cầu chắc chắn, chịu được sức nặng của 2 chú dê ( 2 chai nước loại 500ml dán hình dê đen, dê trắng)

+ Cây cầu cao 15cm

+ Cây cầu đủ 3 bộ phận cơ bản: trụ, mặt cầu, lan can...

**2. Kỹ năng**:

- Trẻ có kỹ năng hoạt động nhóm: thảo luận, phối hợp, phản biện...

- Có kỹ năng quan sát, đánh giá và lựa chọn và sử dụng nguyên liệu phù hợp.

- Phát triển tư duy, khả năng tưởng tượng, sáng tạo, khéo léo khi thiết kế cây cầu

**3. Giáo dục**

- Trẻ tích cực, phối hợp và đoàn kết trong giờ học, biết giữ gìn sản phẩm mình tạo ra.

**II. CHUẨN BỊ.**

+ Một khay lego.

+ Một khay ống hút

+ Một khay que kem gỗ

+ Băng dính đủ cho các nhóm (mỗi nhóm 1 cuộn).

+ Kéo đủ cho các nhóm (mỗi nhóm 2 cái),

+ Thước kẻ đủ cho các nhóm (mỗi nhóm 1 cái)

Địa điểm tổ chức: Trong lớp học.

**II. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các bước** | **Thời lượng** | **HĐ của học sinh** | **HĐ của giáo viên** |
| **1. HỎI** |  | - Trả lời câu hỏi.  - Thảo luận và đưa ra ý kiến của mình.  - Trê kể tên các vật liệu có thể sử dụng xây cầu. | Cô dẫn dắt về câu truyện “Dê đen và dê trắng” trẻ đã được nghe, Đặt câu hỏi 5W 1H (AI? CÁI GÌ? Ở ĐÂU? KHI NÀO?TẠI SAO? NHƯ THÉ NÀO?). Qua câu truyện hỏi trẻ cách làm thế nào để giúp cả 2 bạn dê qua cầu mà không bị ngã ? |
| **2. TƯỞNG TƯỢNG** | 7 phút | - Trẻ cùng nhau tìm hiểu về kiến thức của cây cầu qua sách, video để biết được cấu tạo, hình dáng của cây cầu. | - Cô cho trẻ xem video hoặc cô in một số mẫu cây cầu nổi tiếng trên thế giới, quy trình mẫu thiết kế cây cầu cho trẻ quan sát các bước.  - Đặt câu hỏi để kích thích trẻ tưởng tượng, đưa ra trẻ nói ra ý tưởng của mình.  - Ghi nhận ý tưởng của trẻ. |
| **3. LẬP KẾ HOẠCH** | 10 phút | - Trẻ thảo luận, thống nhất ý tưởng, chọn nguyên vật liệu phù hợp để xây cầu, vẽ bản thiết kế cây cầu của nhóm mình ra giấy. | - Hỗ trợ, chia nhóm.  - Đặt câu hỏi để trẻ nói ra ý tưởng, cách làm của nhóm mình.  - Quan sát, ghi nhận ý tưởng của trẻ. |
| **4. THỰC HIỆN** | 10 phút | - Trẻ chia nhiệm vụ cho các bạn trong nhóm và bắt đầu xây dựng cầu. | GV hỗ trợ các nhóm trong quá trình thực hiện.  Chú ý quan sát quá trình trẻ thực hiện.  - Đặt các câu hỏi để trẻ nói lên ý tưởng, cách thực hiện, khó khăn trong quá trình thực hiện và các câu hỏi hỗ trợ trẻ tư duy đưa ra giải pháp khắc phục. |
| **5. CẢI TIẾN** |  | - Xây xong trẻ dùng 2 chai nước đặt thử xem cầu có chịu được sức nặng không.  - Trẻ cải tiến nếu cầu bị sập, đứng không vững trẻ tìm giải pháp cải thiện. Nếu Cầu đã chịu được sức nặng của 2 chai nước, trẻ nghiên cứu thêm bộ phận cho cầu ví dụ: dây văng hoặc trang trí cho cây cầu hoàn hảo hơn. | - GV quan sát và đánh giá trẻ xem đã nắm được chưa?  - Đối với trẻ đã hoàn thành được sản phẩm cho trẻ gợi ý trang trí, thiết kế thêm các bộ phận cho cây cầu.  - Đối với trẻ chưa làm được thêm hoạt động bổ trợ cho trẻ. |

**\* Đánh giá trẻ hàng ngày** (Đánh giá những vấn đề nổi bật về: Tình hình sức khỏe; trạng thái cảm xúc; thái độ và hành vi của trẻ; kiến thức, kỹ năng của trẻ)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Ưu điểm** | **Hạn chế** | **Cải thiện** |
| **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................** | **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **...............................................** | **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **..........................**  **..............................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................**  **..........................** |

**GIÁO ÁN THIẾT KẾ DIỀU**

**Đối tượng: Trẻ 5-6 tuổi**

**I.MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU:**

**1.Kiến thức:**

**\* Khoa học:** Trẻ Tìm hiểu cách vận hành con diều và đặc điểm, nguyên vật liệu, cấu tạo của diều.

**\* Công nghệ:** Sử dụng các nguyện vật liệu, dụng cụ ( dây dù, túi giấy, giấy màu,ống hút, túi nilong, băng dính 2 mặt…) để làm diều.

**\* Kỹ thuật:** Trẻ vận dụng kỹ năng cắt, dán, gấp giấy, buộc dây để làm được con diều.

**\* Nghệ thuật:** Trẻ gắn các đuôi diều màu sắc, trang trí hoa văn… tạo ra sự sáng tạo cho con diều.

**\* Toán học:** Trẻ sử dụng các dạng hình học, học cách đo lường, đếm, ghi chép số liệu để thiết kế, tạo ra con diều.

**2. Kỹ năng**:

- Trẻ có kỹ năng hoạt động nhóm: thảo luận, phối hợp phân công nhiệm vụ, phản biện...

- Có kỹ năng quan sát, đánh giá, ghi chép và lựa chọn và sử dụng nguyên liệu phù hợp.

- Phát triển tư duy, khả năng tưởng tượng, sáng tạo, khéo léo khi thiết kế mô hình con diều

- Trẻ có kỹ năng gấp giấy, cắt, dán hồ, buộc dây

**3. Giáo dục**

- Trẻ tích cực, phối hợp và đoàn kết trong giờ học, biết giữ gìn, ứng dụng sản phẩm mình tạo ra.

**II. CHUẨN BỊ NGUYÊN VẬT LIỆU**

- Video những cách diều đang bay trên trời

- Hình ảnh 1 số con diều khác nhau

- Dây dù, túi giấy, giấy màu,ống hút, túi nilong, băng dích 2 mặt, hồ dán…

- Bút màu dạ, giấy A4/A3

+ Kéo đủ cho các nhóm (mỗi nhóm 2 cái),

+ Thước kẻ đủ cho các nhóm (mỗi nhóm 1 cái)

Địa điểm tổ chức: Trong lớp học.

**II. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các bước** | **Thời lượng** | **HĐ của học sinh** | **HĐ của giáo viên** |
| **1. HỎI** |  | - Trả lời câu hỏi.  - Thảo luận và đưa ra ý kiến của mình. | - Cô cho trẻ xem video “Diều đang bay trên trời” thăm dò trẻ.  + Các con nhìn thấy gì đang bay trên bầu trời ?  + Tại sao diều lại bay được ?  Đặt câu hỏi 5W 1H (AI? CÁI GÌ? Ở ĐÂU? KHI NÀO?TẠI SAO? NHƯ THÉ NÀO?).  Tạo vấn đề:  + Các con có muốn tự làm 1cánh diều  như thế để chơi ngoài trời không?  + Bây giờ  mình cùng khám phá xem diều được làm như thế nào nhé ? |
| **2. TƯỞNG TƯỢNG** | 7 phút | - Trẻ cùng nhau quan sát tìm hiểu, khám phá về cấu tạo, hình dáng, chất liệu cách hoạt động của diều bằng các giác quan ( nhìn, sờ...).  - Trẻ khám phá các nguyên liệu để làm thành diều | - Cô cho trẻ khám phá con diều, các nguyên liệu làm diều  - Đặt câu hỏi để kích thích trẻ tưởng tượng, so sánh, lựa chọn đưa ra ý tưởng của mình.  - Ghi nhận ý tưởng của trẻ và gợi mở giúp trẻ phát triển ý tưởng. |
| **3. LẬP KẾ HOẠCH** | 10 phút | - Trẻ thảo luận, thống nhất ý tưởng  - Vẽ bản thiết kế mô hình thiết kế con diều.  - Chọn nguyên vật liệu phù hợp | - Hỗ trợ, chia nhóm.  - Đặt câu hỏi để trẻ nói ra ý tưởng, cách làm của nhóm mình.  - Quan sát, ghi nhận ý tưởng của trẻ.  - Đặt câu hỏi kích thích trẻ tư duy, tưởng tượng để hoàn hiện ý tưởng thiết kế. |
| **4. THỰC HIỆN** | 10 phút | - Trẻ phận công nhiệm vụ cho các bạn trong nhóm và tiến hành làm con diều. | GV hỗ trợ các nhóm trong quá trình thực hiện.  Chú ý quan sát quá trình trẻ thực hiện. |
| **5. CẢI TIẾN** |  | -  Hoàn thành, trẻ tiến hành thử nghiệm hoạt động của con diều.  - Trẻ quan sát, đánh giá sản phẩm mình làm ra.  - Trẻ cải tiến con diều của mình nếu chưa hoạt động được hoặc hoạt động chưa tốt ( lựa chọn lại nguyên vật liệu, xem lại, tham khảo  và thay đổi thiết kế...)  - Trang trí và hoàn thiện sản phẩm cho đẹp mắt. | - Đặt các câu hỏi để trẻ nói lên ý tưởng, mục đích chọn nguyên liệu, cách thực hiện,  khó khăn trong quá trình thực hiện, đặt các câu hỏi hỗ trợ trẻ tư duy đưa ra giải pháp khắc phục.  - GV quan sát và đánh giá trẻ xem đã nắm được chưa?  - Đối nhóm với trẻ đã hoàn thành được sản phẩm cho trẻ gợi ý trang trí con diều.  - Đối với nhóm trẻ gặp khó khăn, chưa hoàn thiện cô gợi ý giúp trẻ tìm ra giải pháp khắc phục và hoàn thiện sản phẩm. |

**\* Đánh giá trẻ hàng ngày** (Đánh giá những vấn đề nổi bật về: Tình hình sức khỏe; trạng thái cảm xúc; thái độ và hành vi của trẻ; kiến thức, kỹ năng của trẻ)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Ưu điểm** | **Hạn chế** | **Cải thiện** |
| **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................** | **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **...............................................** | **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **..........................**  **..............................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................**  **..........................** |

**GIÁO ÁN SÁNG TẠO THUYỀN NỔI TRÊN MẶT NƯỚC**

**Đối tượng: Trẻ 5-6 tuổi**

**I.MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU:**

**1.Kiến thức:**

**\* Khoa học:** Khám phá cấu tạo, cách vận hành của con thuyền. Đặc điểm,tính chất, chất liệu từ những nguyên vật liệu khác nhau: Nhựa, gỗ, giấy, xốp...

**\* Công Nghệ:** Cách vận hành của con thuyền. Sử dụng các dụng cụ, nguyên vật liệu khác nhau để tạo ra chiếc thuyền.

**\* Kỹ thuật:** Vẽ bản thiết kế mô hình chiếc thuyền có thể nổi được trên mặt nước.

- Kỹ thuật cắt, dán, gắn đính, đo...

**\* Nghệ thuật:** Trang trí cho chiếc thuyền thêm đẹp

**\* Toán:** Đếm,xếp cạnh, hình dạng, đo lường, trọng lượng...

**2. Kỹ năng**:

- Trẻ có kỹ năng hoạt động nhóm: thảo luận, phối hợp phân công nhiệm vụ, phản biện...

- Có kỹ năng quan sát, đánh giá, ghi chép và lựa chọn và sử dụng nguyên liệu phù hợp.

- Phát triển tư duy, khả năng tưởng tượng, sáng tạo, khéo léo khi thiết kế mô hình thuyền nổi.

- kỹ năng cắt dán, gắn đính....

**3. Giáo dục**

- Trẻ tích cực, phối hợp và đoàn kết trong giờ học, biết giữ gìn, ứng dụng sản phẩm mình tạo ra.

**II. CHUẨN BỊ.**

+ Chai nhựa, cốc nhựa, vỏ hộp sữa tươi, sữa chua, xốp, thanh gỗ, ống hút, cành khô, giấy bìa màu...

+ Băng dính đủ cho các nhóm (mỗi nhóm 1 cuộn).

+ Kéo đủ cho các nhóm (mỗi nhóm 2 cái),

+ Thước kẻ đủ cho các nhóm (mỗi nhóm 1 cái)

Địa điểm tổ chức: Trong lớp học.

**II. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các bước** | **Thời lượng** | **HĐ của học sinh** | **HĐ của giáo viên** |
| **1. HỎI** |  | - Trả lời câu hỏi.  - Thảo luận và đưa ra ý tưởng của mình | Cô cho trẻ xem một đoạn video ngắn về hội đua thuyền.  Tạo bối cảnh: Làm sao để có thể tổ chức cuộc đua thuyền tại lớp? Đặt câu hỏi 5W 1H (AI? CÁI GÌ? Ở ĐÂU? KHI NÀO?TẠI SAO? NHƯ THÉ NÀO?).  Vì sao thuyền có thể nổi được trên mặt nước? Thuyền làm từ nguyên liệu gì? Điều gì giúp thuyền di chuyển trên mặt nước?...  - Cô đặt các câu hỏi lích thích trẻ tư duy, tưởng tượng và đưa ra một số ý tưởng, thống nhất ý kiến cùng sáng thuyền nổi trên mặt nước. |
| **2. TƯỞNG TƯỢNG** | 7 phút | - Trẻ cùng nhau tìm hiểu về kiến thức qua sách, video, mẫu vật... để biết được cấu tạo, hình dáng, cách hoạt động của một số loại thuyền.  - Khám phá, tìm hiểu về các nguyên liệu, chất liệu làm thuyền nổi trên mặt nước.  - Tưởng tượng, lên ý tưởng về cấu tạo, hình dáng, nguyên liệu sử dụng tạo ra chiếc thuyền. | - Cô cho trẻ xem video hoặc cô in một số hình ảnh cấu tạo các loại thuyền ( thuyền thúng, thuyền buồm, bè...), quy trình mẫu thiết kế cho trẻ quan sát các bước ( nếu cần)  - Đặt câu hỏi để kích thích trẻ quan sát, thu thập thông tin, tưởng tượng, khám phá chất liệu... đưa ra ý tưởng của mình.  - Ghi nhận ý tưởng của trẻ và gợi mở giúp trẻ phát triển ý tưởng. |
| **3. LẬP KẾ HOẠCH** | 10 phút | - Trẻ thảo luận, thống nhất ý tưởng.  - Vẽ bản thiết kế mô hình thuyền nổi của nhóm mình ra giấy.  - Chọn nguyên vật liệu phù hợp | - Hỗ trợ, chia nhóm.  - Đặt câu hỏi để trẻ nói ra ý tưởng, cách làm của nhóm mình.  - Quan sát, ghi nhận ý tưởng của trẻ.  - Đặt câu hỏi kích thích trẻ tư duy, tưởng tượng để hoàn hiện ý tưởng thiết kế. |
| **4. THỰC HIỆN** | 10 phút | - Trẻ phận công nhiệm vụ cho các bạn trong nhóm và làm mô hình thuyền nổi. | GV hỗ trợ các nhóm trong quá trình thực hiện.  Chú ý quan sát quá trình trẻ thực hiện. |
| **5. CẢI TIẾN** |  | -  Hoàn thành trẻ tiến hành thử nghiệm hoạt động của thuyền.  - Trẻ quan sát, đánh giá sản phẩm mình và tìm hiểu nguyên nhân, cách khắc phục... ( chìm/nổi, di chuyển nhanh/ chậm, cân đối/ nghiêng, khô rao bên trong/thấm nước...)  - Trẻ cải tiến mô hình máy lọc của mình ( lựa chọn lại nguyên vật liệu, xem lại, tham khảo  và thay đổi thiết kế...)  - Trang trí và hoàn thiện sản phẩm cho đẹp mắt.  - Chia sẻ về sản phẩm của nhóm mình  - Tham gia đua thuyền. | - Đặt các câu hỏi để trẻ nói lên ý tưởng, mục đích chọn nguyên liệu, cách thực hiện,  khó khăn trong quá trình thực hiện, đặt các câu hỏi hỗ trợ trẻ tư duy đưa ra giải pháp khắc phục.  - GV quan sát và đánh giá trẻ xem đã nắm được chưa?  - Đối nhóm với trẻ đã hoàn thành được sản phẩm cho trẻ gợi ý trang trí, thiết kế thêm các bộ phận cho thuyền.  - Đối với nhóm trẻ gặp khó khăn, chưa hoàn thiện cô gợi ý giúp trẻ tìm ra giải pháp khắc phục và hoàn thiện sản phẩm.  - mời đại diện nhóm chia sẻ, trình bày về sản phẩm.  - Tổ chức đua thuyền giữ các nhóm. |

**\* Đánh giá trẻ hàng ngày** (Đánh giá những vấn đề nổi bật về: Tình hình sức khỏe; trạng thái cảm xúc; thái độ và hành vi của trẻ; kiến thức, kỹ năng của trẻ)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Ưu điểm** | **Hạn chế** | **Cải thiện** |
| **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................** | **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **...............................................** | **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **..........................**  **..............................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................**  **..........................** |

**GIÁO ÁN SÁNG TẠO MÔ HÌNH MÁY LỌC NƯỚC**

**Đối tượng: Trẻ 5-6 tuổi**

**I.MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU:**

**1.Kiến thức:**

**\* Khoa học:** Trẻ biết cách hoạt động, cấu tạo của máy lọc nước, một số nguyên liệu có thể dùng để lọc cặn trong nước: sỏi nhỏ, sỏi lớn, vải trắng, than hoạt tính, cát…

**\* Công nghệ**:  Trẻ biết sử dụng các dụng cụ trong quá trình làm ra mô hình máy lọc nước.

**\* Kỹ thuật**: Trẻ có kỹ năng thiết kế, sáng tạo ra quy trình tạo ra mô hình máy lọc nước.

**\* Nghệ** **thuật**: Trang trí máy lọc nước.

**\* Toán học**: Trẻ biết đếm, so sánh , hình khối, màu sắc, đong đo số lượng nguyên vật liệu.

**2. Kỹ năng**:

- Trẻ có kỹ năng hoạt động nhóm: thảo luận, phối hợp phân công nhiệm vụ, phản biện...

- Có kỹ năng quan sát, đánh giá, ghi chép và lựa chọn và sử dụng nguyên liệu phù hợp.

- Phát triển tư duy, khả năng tưởng tượng, sáng tạo, khéo léo khi thiết kế mô hình máy lọc nước.

**3. Giáo dục**

- Trẻ tích cực, phối hợp và đoàn kết trong giờ học, biết giữ gìn, ứng dụng sản phẩm mình tạo ra.

**II. CHUẨN BỊ.**

+ Chai nhựa, cốc nhựa

+ Cát sạch, sỏi cuội lớn, nhỏ, than, vải, bông...

+ Chai nước “bẩn”

+ Kéo, dụng cụ đong đo..

+ Băng dính đủ cho các nhóm (mỗi nhóm 1 cuộn).

+ Kéo đủ cho các nhóm (mỗi nhóm 2 cái),

+ Thước kẻ đủ cho các nhóm (mỗi nhóm 1 cái)

Địa điểm tổ chức: Trong lớp học.

**II. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các bước** | **Thời lượng** | **HĐ của học sinh** | **HĐ của giáo viên** |
| **1. HỎI** |  | - Trẻ trả lời câu hỏi.  - Trẻ thảo luận và đưa ra ý kiến, giải pháp của mình để giúp làm sạch nguồn nước. | Cô cho trẻ xem một đoạn video ngắn về tình trạng nước bị ô nhiễm và hậu quả sử dụng nguồn nước đó.  Tạo bối cảnh: Điều gì sẽ xảy ra khi tất cả các nguồn nước đều bị ô nhiểm? Có cách nào để nước bẩn trở nên trong sạch hơn? Đặt câu hỏi 5W 1H (AI? CÁI GÌ? Ở ĐÂU? KHI NÀO?TẠI SAO? NHƯ THÉ NÀO?).  - Cô gợi ý 1 số giải pháp và đưa ra thống nhất ý kiến cùng sáng tạo máy lọc nước. |
| **2. TƯỞNG TƯỢNG** | 7 phút | - Trẻ cùng nhau tìm hiểu về kiến thức qua sách, video để biết được cấu tạo, hình dáng, cách hoạt động của máy lọc nước . | - Cô cho trẻ xem video hoặc cô in một số hình ảnh cấu tạo máy lọc nước, quy trình mẫu thiết kế cho trẻ quan sát các bước.  - Đặt câu hỏi để kích thích trẻ tưởng tượng, đưa ra ý tưởng của mình.  - Ghi nhận ý tưởng của trẻ và gợi mở giúp trẻ phát triển ý tưởng. |
| **3. LẬP KẾ HOẠCH** | 10 phút | - Trẻ thảo luận, thống nhất ý tưởng  - Chọn nguyên vật liệu phù hợp  - Vẽ bản thiết kế mô hình máy lọc nước của nhóm mình ra giấy. | - Hỗ trợ, chia nhóm.  - Đặt câu hỏi để trẻ nói ra ý tưởng, cách làm của nhóm mình.  - Quan sát, ghi nhận ý tưởng của trẻ.  - Đặt câu hỏi kích thích trẻ tư duy, tưởng tượng để hoàn hiện ý tưởng thiết kế. |
| **4. THỰC HIỆN** | 10 phút | - Trẻ phận công nhiệm vụ cho các bạn trong nhóm và làm mô hình máy lọc nước. | GV hỗ trợ các nhóm trong quá trình thực hiện.  Chú ý quan sát quá trình trẻ thực hiện. |
| **5. CẢI TIẾN** |  | -  Hoàn thành trẻ tiến hành thử nghiệm hoạt động của máy lọc nước.  - Trẻ quan sát, đánh giá sản phẩm mình làm ra.  - Trẻ cải tiến mô hình máy lọc của mình ( lựa chọn lại nguyên vật liệu, xem lại, tham khảo  và thay đổi thiết kế...)  - Trang trí và hoàn thiện sản phẩm cho đẹp mắt. | - Đặt các câu hỏi để trẻ nói lên ý tưởng, mục đích chọn nguyên liệu, cách thực hiện,  khó khăn trong quá trình thực hiện, đặt các câu hỏi hỗ trợ trẻ tư duy đưa ra giải pháp khắc phục.  - GV quan sát và đánh giá trẻ xem đã nắm được chưa?  - Đối nhóm với trẻ đã hoàn thành được sản phẩm cho trẻ gợi ý trang trí, thiết kế thêm các bộ phận cho máy lọc nước  - Đối với nhóm trẻ gặp khó khăn, chưa hoàn thiện cô gợi ý giúp trẻ tìm ra giải pháp khắc phục và hoàn thiện sản phẩm. |

**\* Đánh giá trẻ hàng ngày** (Đánh giá những vấn đề nổi bật về: Tình hình sức khỏe; trạng thái cảm xúc; thái độ và hành vi của trẻ; kiến thức, kỹ năng của trẻ)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Ưu điểm** | **Hạn chế** | **Cải thiện** |
| **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................** | **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **...............................................** | **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **..........................**  **..............................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................**  **..........................** |

**GIÁO ÁN LÀM QUEN CHỮ CÁI U Ư**

**Đối tượng: Trẻ 5-6 tuổi**

**I.MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU:**

**1.Kiến thức:**

**\* Khoa học:** Cấu tạo chữ u,ư.

**\* Công nghệ:** Cách sử dụng các dụng cụ, phương tiện tạo ra chữ u, ư: que kẽm, bút dạ, phấn, đất nặn, cát, hột hạt,cúc áo...

**\* Kỹ thuật:** Quy trình, các bước tạo ra chữ u, ư bằng nguyên vật liệu trẻ chọn.

**\* Nghệ Thuật:** Sắp xếp, sử dụng các nguyên vật liệu sáng tạo để trang trí tạo ra chữ u,ư đẹp mắt.

**\* Toán học:** Trẻ học số đếm, dài ngắn

\* Yêu cầu:

- Trẻ nhớ tên gọi, cấu tạo và phát âm được chữ U, Ư

- Sử dụng các nguyên liệu tạo hình các nét thành chữ U, Ư

**2. Kỹ năng**:

+ Trẻ nhớ tên gọi, cấu tạo và phát âm được chữ U, Ư

+ Rèn kỹ năng hoạt động nhóm cho trẻ

+ Biết sử dụng các kỹ năng tạo hình, các vật liệu để tạo ra chữ U, Ư: xếp, uốn cong, lăn dài...

**3. Giáo dục**

- Trẻ tích cực, vui vẻ tham gia vào hoạt động.

- Lấy cất đồ dùng đúng nơi quy định.

**II. CHUẨN BỊ VẬT LIỆU**

- Chữ cái bằng gỗ

- Giấy A4, bút dạ, phấn, bảng...

- Dây kẽm xù

- Khay cát

- Đất nặn

- Cúc áo nhiều màu, hột hạt (ngô, đỗ)

-Thẻ chữ , nét rời chữ U, Ư

 - Slide trò chơi

- Video chữ cái mở đầu

**II. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các bước** | **Thời lượng** | **HĐ của học sinh** | **HĐ của giáo viên** |
| **1. Gắn kết** |  | - Trẻ quan sát.  - Trả lời câu hỏi.  - Thảo luận và đưa ra ý kiến của mình. | - Cho trẻ xem video về 2 bạn nhỏ U và Ư, xem xong video hỏi trẻ có biết 2 người bạn ấy là ai  không? ( Đặt câu hỏi 5W1H):  + Đây là ai? (chữ gì)  + Chữ u/ ư có những nét gì?  + Con đã thấy chữ u/ư ở đâu rồi?   - chúng mình cùng làm quen và tìm hiểu về 2 bạn nhé. |
| **2. Khám phá(khảo sát):** | 7 phút | - Trẻ cùng nhau về nhóm khám phá cấu tạo chữ.  - Quan sát, ghép chữ từ các nét rời các kiểu chữ in hoa, in thường. phát âm tên chữ.    - Chơi trò chơi    - Các nhóm thảo luận về ý tưởng thực hiện thử thách tạo chữ U, Ư từ các nguyên liệu khác nhau, khảo sát, khám phá các nguyên liệu. | - Chúng mình đã từng thấy 2 bạn chữ cái đó ở đâu rồi?  - Cô cho trẻ thẻ chữ U,Ư; chữ U,Ư bằng gỗ tách rời chia trẻ về các nhóm để khám phá về cầu tạo của chữ u, ư  - Cho trẻ xem chữ U,Ư ( CÁC KIỀU CHỮ: THƯỜNG, HOA) và cách phát âm.  - Cô đặt các câu hỏi thăm dò, gợi mở, kích thích trẻ chia sẻ, khám phá, tìm kiếm, cho trẻ sử dụng các dụng cụ hỗ trợ và ghi chép lại:  + Con đang khám phá chữ gì?  + Chữ u/ư có mấy nét? đó là những nét gì?  + Con phát âm chữ u/ư như thế nào?  - Trò chơi: “ bạn gì biến mất" Cô tạo slide có dãy chữ trong đó có chữ U,Ư sau đó tạo hiệu ứng biến mất chữ U,Ư để trẻ đoán tên.  - Thử thách tạo hình chữ cái U, Ư từ các nguyên liệu khác nhau.   - Hỗ trợ đại diện nhóm chọn nguyên liệu. |
| **3. Giải thích (chia sẻ):** | 10 phút | - Các nhóm trẻ lên chia sẻ ý kiến và hiểu biết của minh về chữ u.,ư ( cách phát âm, cấu tạo chữ), chữ thường và chữ hoa khác nhau thế nào?  + Đặt các câu hỏi, thắc mắc mà trẻ chưa giải đáp được.    - Trẻ chia sẻ về ý tưởng thực hiện thử thách của nhóm mình. | - Cô đặt câu hỏi kích thích, gợi ý trẻ chia sẻ những điều trẻ đã khám phá được.  - Cô tổng hợp ý kiến và chia sẻ kiến thức cho trẻ về hiện tượng gió.  - Hỗ trợ trả lời, làm rõ thông tin.   - Cô sửa sai những bạn phát âm chưa đúng.  - Tạo thử thách tạo hình chữ u, ư từ các nguyên liệu khác nhau.  - Ghi nhận ý tưởng của trẻ |
| **4. Áp dụng** | 10 phút | - Các nhóm chọn nguyên vật liệu đề tạo chữ U,Ư (cúc áo, kẽm xù, khay cát, bút...).  - Trẻ chơi | Cô quan sát, động viên khuyến khích, gợi ý trẻ thực hiện, khuyến khích trẻ phát âm nhiều lần và nói lên cấu tạo chữ cái mình đang tạo hình..  - Động viên, hỗ trợ các nhóm gặp khó khăn, chưa thực hiện được. |
| **5. Đánh giá** |  | - Trẻ trưng bày, chia sẻ sản phẩm của mình với cô và các bạn. | - Cô hỏi trẻ ý tưởng sáng tạo tạo hình chữ u,ư.  Cô quan sát, động viên khuyến khích trẻ thực hiện.  - Đặt các câu hỏi đào sâu kiến thức, và kích thích trẻ chia sẻ về cấu tạo và phát âm chữ u, ư.  - Động viên, hỗ trợ những trẻ còn chưa thực hiện được. |

**\* Đánh giá trẻ hàng ngày** (Đánh giá những vấn đề nổi bật về: Tình hình sức khỏe; trạng thái cảm xúc; thái độ và hành vi của trẻ; kiến thức, kỹ năng của trẻ)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Ưu điểm** | **Hạn chế** | **Cải thiện** |
| **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................** | **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................** | **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **..........................**  **..............................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................** |

**GIÁO ÁN PHÁM PHÁ KHOA HỌC VỀ GIÓ**

**Đối tượng: Trẻ 5-6 tuổi**

**I.MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU:**

**1.Kiến thức:**

**\* Khoa học:** Trẻ biết gió là 1 hiện tượng tự nhiên, biết một số đặc điểm của gió thông qua các hoạt động thí nghiệm, khám phá hướng gió, tiếng gió. Biết tên gọi về gió tự nhiên, gió nhân tạo .. Biết một số  thiết bị điện tạo ra gió ( quạt, điều hòa..), hoạt động nhờ gió ( chong chóng, dù, diều...) và cách hoạt động của chúng.

**\* Công nghệ:** Trẻ biết sử dụng 1 số dụng cụ, nguyên vật liệu để khám phá, tạo ra sản phẩm hoạt động nhờ gió: Diều, quạt giấy, chong chóng...

**\* Kỹ thuật:** Trẻ biết thiết kế quy trình các bước làm diều, quạt giấy, chong chóng.

**\* Nghệ Thuật:** Trẻ biết sử dụng các kỹ năng tạo hình đã học để vẽ, phối hợp màu sắc, trang trí cho các sản phẩm của trẻ tạo ra đẹp mắt, sinh động.

**\* Toán học:** Trẻ đếm số lượng, hình dạng, đo lường, định hướng không gian.

**2. Yêu cầu:**

* Trẻ thu thập và biết được một số thông tin về gió:
* Có gió tự nhiên và gió nhân tạo.
* Một số cách xác định hướng gió
* Một số cách tạo ra gió
* Âm thanh của gió (khi đi qua các vật: chuông giá, lá khô, túi nilon, lá cờ..)
* Trẻ ứng dụng tạo ra một số sản phẩm tạo ra gió hoặc hoạt động được nhờ gió: chong chóng, quạt giấy, diều, tranh thổi màu...

**3. Giáo dục**

- Trẻ tích cực, vui vẻ tham gia vào hoạt động.

- Trẻ biết giao lưu, hợp tác và chia sẻ kinh nghiệm khi thực hiện.

- Lấy cất đồ dùng đúng nơi quy định.

**II. CHUẨN BỊ VẬT LIỆU**

- Sân chơi rộng rãi thoáng mát và điều kiện thời tiết có gió mát cho trẻ hoạt động. trẻ chơi trên thảm cỏ có bóng râm.

-  Loa đài phát nhạc theo nội dung phù hợp chủ đề của hoạt động.

- Xắc xô của cô.

- Đồ dùng của trẻ:

+ Túi nilon, cốc nước, những dải dây/giấy mỏng, lá khô, lá tươi, lá cờ,khăn vải, cánh hoa, chong chóng, lego, thanh gỗ kapla, chuông gió,

+ Các đồ dùng cho trẻ thực hiện: Giấy màu, giấy trắng, bút vẽ, màu nước, hồ dán, que, kim sa, ống hút…

**II. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các bước** | **Thời lượng** | **HĐ của học sinh** | **HĐ của giáo viên** |
| **1. Gắn kết** |  | - Lắng nghe, quan sát.  - Trả lời câu hỏi.  - Thảo luận, đặt câu hỏi và đưa ra ý kiến của mình ( vì lá cây đung đưa, vì thấy lá cờ bay, vì con thấy mát...) | - Cô cho trẻ cùng ra sân đi dạo trên sân trường.  - Tạo bối cảnh: Tìm kiếm những vật bay được nhờ có gió xung quanh sân trường. ( Khăn, cờ,lá cây, tóc …).  - Đặt các câu hỏi thăm dò kiến thức của trẻ:  + Theo con điều gì khiến khăn, lá cờ, lá cây… bay được?  + Điều gì khiến con nghĩ là gió giúp những vật đó bay được?  + Gió từ đâu đến?  + Gió có hình dạng như thế nào nhỉ?  Vậy hôm nay cô con mình sẽ cùng tìm hiểu về gió nhé. |
| **2. Khám phá(khảo sát):** | 7 phút | - Trẻ khám phá giỏ dụng cụ đựng các nguyên liệu khám phá ( Túi nilon, dải dây, cốc nước, lá khô, lego, thanh gỗ kapla, bảng ghi chép, bút…) trẻ có thể tìm kiếm thêm xung quanh.  - Trẻ thảo luận lựa chọn, tìm kiếm các đồ dùng khám phá cho nhóm mình.  - Trẻ khám phá về gió:  + Gió đến từ đâu qua thí nghiệm với nước ( trẻ nhúng ngón tay vào nước và đưa lên gió cảm nhận phía nào của ngón tay mát hơn là gió thối đến từ phía đó, dải dây/giấy, túi nilon...đưa ra gió xem bay về phía nào…. ( tìm ra hướng gió)  + Âm thanh của gió qua các hoạt động khám phá tiếng gió khi đi qua các vật khác nhau: Lá cây khô, lá cờ, chuông gió...  + Những gì bay được trong gió qua hoạt động khám phá với các nguyên vật liệu ( lá khô, lá tươi, lego, thanh gỗ, dải dây, túi nilon,cánh hoa….)  - Trẻ ghi chép, thu thập thông tin vào bảng ghi chép:  + Vật bay -không bay.  +Những cách xác định hướng gió.  + Những cách để nghe được tiếng gió?  + Những cách tạo ra gió. | - Hỗ trợ trẻ chia về nhóm cùng khám phá:  - Cô đặt các câu hỏi thăm dò, gợi mở, kích thích trẻ chia sẻ, khám phá, tìm kiếm, cho trẻ sử dụng các dụng cụ hỗ trợ và ghi chép lại.  + Con đang khám phá điều gì?  + Con làm bằng cách nào?  + Con dùng cái gì để xác định hướng gió? có cách nào nữa không?  + Con cảm thấy thế nào?  + Làm thế nào mà chúng ta có nhìn và nghe được gió?  + Con nghe thấy tiếng gì?  + Không biết khi gió thổi mạnh hơn thì tiếng gió thế nào nhỉ?  + Theo các con chúng ta có thể tạo được ra gió không? |
| **3. Giải thích (chia sẻ):** | 10 phút | - Các nhóm chia sẻ về những kiến thức mình đã khám phá được.  + Đặt các câu hỏi, thắc mắc mà trẻ chưa giải đáp được. | - Cô đặt câu hỏi kích thích, gợi ý trẻ chia sẻ những điều trẻ đã khám phá được.  - Cô tổng hợp ý kiến và chia sẻ kiến thức cho trẻ về hiện tượng gió.  - Hỗ trợ trả lời hoặc gợi ý cách tìm hiểu, làm rõ thông tin qua các phương tiện hỗ trợ (internet, ông bà bố mẹ, gợi mở 1 hoạt động khám phá tiếp theo…) |
| **4. Áp dụng** | 10 phút | -Trẻ thảo luận, chia sẻ và thống nhất ý tưởng.  - Trẻ chia nhóm thành 4 nhóm thực hiện ý tưởng: Vẽ thiết kế mô hình, lựa chọn nguyên liệu và thực hiện thiết kế theo ý tưởng .       Nhóm 1: Thiết kế diều.       Nhóm 2: Thiết kế chong chóng.        Nhóm 3: Làm quạt giấy        Nhóm 4: Thổi màu theo các hướng tạo thành bức tranh | - Cô hỏi trẻ ý tưởng sáng tạo ra các sản phẩm tạo ra gió hoặc hoạt động nhờ gió.  Cô quan sát, động viên khuyến khích trẻ thực hiện.  - Đặt các câu hỏi đào sâu kiến thức, và kích thích trẻ chia sẻ về những kiến thức mình đã áp dụng khi thực hiện sản phẩm.  - Động viên, hỗ trợ những trẻ còn chưa thực hiện được. |
| **5. Đánh giá** |  | - Trẻ trưng bày, chia sẻ sản phẩm của mình, đưa ra các ý kiến động viên, góp ý cho sản phẩm của nhóm bạn. | - GV quan sát và đánh giá kiến thức của học sinh để đưa ra hoạt động phù hợp với từng đối tượng trẻ  - Tổ chức cho trẻ chia sẻ, thuyết trình về sản phẩm của mình.  - Đặt các câu hỏi kích thích trẻ chia sẻ về những kiến thức mình đã áp dụng khi thực hiện sản phẩm. |

**\* Đánh giá trẻ hàng ngày** (Đánh giá những vấn đề nổi bật về: Tình hình sức khỏe; trạng thái cảm xúc; thái độ và hành vi của trẻ; kiến thức, kỹ năng của trẻ)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Ưu điểm** | **Hạn chế** | **Cải thiện** |
| **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................** | **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................** | **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **..........................**  **..............................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................** |

**GIÁO ÁN PHÁM PHÁ KHOA HỌC VỀ CÔN TRÙNG**

**Đối tượng: Trẻ 5-6 tuổi**

**I.MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU:**

**1.Kiến thức:**

**\* Khoa học:** Trẻ biết tên gọi cũng như biết được 1 số đặc điểm cơ bản về các loài côn trùng: kiến, bướm, ong, muỗi, ruồi, sâu,...Cơ thể côn trùng có 3 phần, 6 chân, 2 râu...

**\* Công nghệ:** Biết sử dụng kính lúp, các dụng cụ hỗ trợ để khám phá côn trùng, sử dụng điện thoại chụp hình, phóng to để quan sát côn trùng, sử dụng kéo và các dụng cụ tạo hình để cắt tạo hình chú kiến.

**\* Kỹ thuật:** Trẻ khám phá, biết được quy trình, các bước. để tạo ra chú kiến đi bộ.

**\* Nghệ Thuật:** Trẻ sử dụng các kỹ năng tạo hình đã học sáng tạo ra được hình chú kiến, trang trí màu sắc cho chú kiến.

**\* Toán học:** Trẻ đếm số lượng chân, râu, hình dạng của các bộ phận, đo kích thước

**\* Yêu cầu:**

* Trẻ biết một số loại côn trùng, đặc điểm, thức ăn của loài kiến
* Trẻ biết ứng dụng các kiến thức đã khám phá và sử dụng các nguyên vật liệu để tạo hình mô hình con kiến.
* Mô hình kiến có đầy đủ các bộ phận: 3 phần, 6 chân 2 râu....

**2. Kỹ năng**:

+ Trẻ quan sát và đưa ra được các ý kiến nhận xét của cá nhân nhóm

+ Rèn kỹ năng hoạt động nhóm cho trẻ

+ Biết sử dụng các kỹ năng tạo hình: nặn, gắn đính,uốn cong…. đã học để tạo hình chú kiến sắc màu

**3. Giáo dục**

- Trẻ tích cực, vui vẻ tham gia vào hoạt động.

- lấy cất đồ dùng đúng nơi quy định.

**II. CHUẨN BỊ VẬT LIỆU**

- Video khoa học về các loài côn trùng

- Bài giảng powerpoint về 1 số loài côn trùng và đặc điểm của chúng

- Giấy bìa màu hoặc giấy A4 (3 tờ), bút dạ

- Đất nặn

- Kẽm xù

- Hộp đựng kiến trẻ đã thu thập được qua các hoạt động trước ( mỗi nhóm 1 hộp)

- Lọ đường hoặc lọ kẹo mở nắp và có kiến để cho trẻ quan sát

- Kính lúp ( mỗi nhóm 1)

- Bảng, bút ghi chép thông tin

**II. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các bước** | **Thời lượng** | **HĐ của học sinh** | **HĐ của giáo viên** |
| **1. Gắn kết** |  | - Trẻ thảo luận và đưa ra ý kiến của mình: bị mất, chuột cắp, kiến bò vào, ruồi, muỗi….)  - | - Đưa ra bối cảnh: lọ đường/lọ kẹo hôm qua để quên không đóng nắp, các con đoán xem điều gì đã xảy ra?  - Đặt các câu hỏi thăm dò kiến thức của trẻ:  - Con vật gì có thể bò vào ăn đường/kẹo?  - Con đã nhìn thấy ở đâu?  - Vì sao con biết?  - Điều gì đã thu hút những con vật đó đến lọ đường/kẹo này?  - Tên gọi chung của các con vật vật nhỏ đó là gì?  - Con biết những con côn trùng gì?  - Côn trùng có hình dáng như thế nào nhỉ?  - Hôm nay chúng mình cùng tìm hiểu về những chú côn trùng nhé? |
| **2. Khám phá(khảo sát):** | 7 phút | - Trẻ xem video  - Chơi trò chơi    - Trẻ cùng nhau về nhóm, khám phá và sử dụng các dụng cụ hỗ trợ khám phá côn trùng (kính lúp, sách báo, internet…).  - Ghi chép thông tin vào bảng ghi chép.  + Đặc điểm  + Thức ăn  + Lợi ích, tác hại của côn trùng  + Một số cách phòng tránh côn trùng cắn  - Trẻ đặt câu hỏi hoặc đưa ra ý kiến cần hỗ trợ giải đáp.  - Ghi chép, thu thập thông tin vào bảng ghi chép. | - Xem video khoa học về các loại côn trùng.  - Chơi trò chơi “đoán nhanh” để gọi tên đúng và đặc điểm đúng của 1 số loài côn trùng ( kiến, gián, muỗi, ruồi,)  - Hỗ trợ trẻ chia nhóm  - Cô đặt các câu hỏi thăm dò, gợi mở, kích thích trẻ chia sẻ, khám phá, tìm kiếm, cho trẻ sử dụng các dụng cụ hỗ trợ và ghi chép lại.  + Con đang khám phá điều gì?  + Kiến có những bộ phận gì?  + Con làm bằng cách nào?  + Làm thế nào mà chúng ta có thể nhìn rõ các bộ phận của con kiến? Có cách nào nữa không?  + Con nghe thấy tiếng gì?  + Theo con kiến nói chuyện với nhau bằng cách nào?  + Kiến ăn gì nhỉ? nó ăn như thế nào?  + Điều gì sẽ xảy ra khi chúng ta bị kiến cắn?  + Làm cách nào để giúp chúng ta phòng tránh bị kiến, côn trùng cắn?  - Cô gợi ý, hỗ trợ trẻ sử dụng các phương tiện hỗ trợ tìm kiếm thông tin ( internet, máy ảnh, sách báo…) |
| **3. Giải thích (chia sẻ):** | 10 phút | - Các nhóm chia sẻ về những kiến thức mình đã khám phá được.  + Đặt các câu hỏi, thắc mắc mà trẻ chưa giải đáp được. | - Cô tổng hợp ý kiến và chia sẻ kiến thức cho trẻ về hiện tượng gió.  - Hỗ trợ trả lời hoặc gợi ý cách tìm hiểu, làm rõ thông tin qua các phương tiện hỗ trợ (internet, ông bà bố mẹ, gợi mở 1 hoạt động khám phá tiếp theo…) |
| **4. Áp dụng** | 10 phút | Các nhóm trẻ thảo luận, chia sẻ và thống nhất ý tưởng. tạo hình chú kiến “ Walking ant” để cùng ôn lại kiến thức về đặc điểm của công trùng: cơ thể có 3 phần, 6 chân và 2 râu.  - Trẻ chia nhóm thành 3 nhóm thực hiện ý tưởng: Vẽ thiết kế mô hình, lựa chọn nguyên liệu và thực hiện thiết kế theo ý tưởng .       Nhóm 1: Tạo hình chú kiến từ đất nặn.       Nhóm 2: Tạo hình chú kiến từ dây kẽm xù.        Nhóm 3: sáng tạo tranh chú kiến | - Cô hỏi trẻ ý tưởng sáng tạo ra các sản phẩm tạo.  Cô quan sát, động viên khuyến khích trẻ thực hiện.  - Đặt các câu hỏi đào sâu kiến thức, và kích thích trẻ chia sẻ về những kiến thức mình đã áp dụng khi thực hiện sản phẩm.  - Động viên, hỗ trợ những trẻ còn chưa thực hiện được. |
| **5. Đánh giá** |  | - Trẻ trưng bày, chia sẻ sản phẩm của mình với cô và các bạn. | - GV quan sát và đánh giá kiến thức của học sinh để đưa ra hoạt động phù hợp với từng đối tượng trẻ  - Tổ chức cho trẻ chia sẻ, thuyết trình về sản phẩm của mình.  - Đặt các câu hỏi kích thích trẻ chia sẻ về những kiến thức mình đã áp dụng khi thực hiện sản phẩm. |

**\* Đánh giá trẻ hàng ngày** (Đánh giá những vấn đề nổi bật về: Tình hình sức khỏe; trạng thái cảm xúc; thái độ và hành vi của trẻ; kiến thức, kỹ năng của trẻ)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Ưu điểm** | **Hạn chế** | **Cải thiện** |
| **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................** | **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................** | **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **..........................**  **..............................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................** |

**GIÁO ÁN BẬT LIÊN TỤC QUA 5 Ô**

**Đối tượng: Trẻ 5-6 tuổi**

**I.MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU:**

**1.Kiến thức:**

**\* Khoa học:** Trẻ biết về tên gọi, cách bật nhảy,lợi ích của vận động đối với cơ thể. Các đặc điểm, tính chất của đồ dùng, vật liệu làm vật cản.

**\* Công nghệ:** Trẻ biết sử dụng các vật liệu để tạo ra vòng bật.

**\* Kỹ thuật:** Cách thực hiện các bước bật nhảy liên tục qua 5 vòng.

**\* Nghệ thuật:**

**\* Toán:** Trẻ sẽ khám phá về số đếm, thứ tự: trước, sau, hình dạng khi xếp vật cản.

**\* Yêu cầu:**

+ Trẻ biết cách giữ thăng bằng và tiếp đất an toàn bằng hai chân khi bật liên tục qua 5 ô.

+ Trẻ biết tạo ra các vật cản ( 5-7 ô) để bật liên tục qua..

**2. Kỹ năng**:

+ Trẻ bật liên tục qua được 5 ô.

+ Trẻ tiếp đất an toàn bằng hai chân .

**3. Giáo dục**

- Trẻ tích cực, vui vẻ tham gia vào bài tập.

**II. CHUẨN BỊ VẬT LIỆU**

+ Vòng thể dục ( 5 vòng)

+ Gạch xây dựng

+ Thanh gỗ kapla

+ phấn…

+ Sân tập

Địa điểm tổ chức: Trong lớp học.

**II. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các bước** | **Thời lượng** | **HĐ của học sinh** | **HĐ của giáo viên** |
| **1. Gắn kết** |  | - Trẻ trả lời câu hỏi.  - Thảo luận và đưa ra ý kiến  vượt qua thử thách của mình ( bước, bật nhảy, nhảy lò cò…).  - Trẻ thảo luận đưa ra ý kiến thực hiện thử thách tạo chướng ngại vật.  - Trẻ đặt các câu hỏi hoặc nêu ý kiến cần được giải đáp. | - Đưa ra thử thách: Dùng 2 chân cùng 1 lúc di chuyển liên tục vượt qua 5 chướng ngại vật .. (5 ô).  (đặt câu hỏi 5w1h) (trẻ đưa ra ý kiến).  +  Chúng mình làm cách nào để vượt qua 5 ô?  + Làm sao để di chuyển cả 2 chân cùng 1 lúc nhỉ?  - Di chuyển liên tục là di chuyển như thế nào nhỉ?  - Cô chỉ có 5 vòng thôi, làm cách nào để mỗi nhóm đều có chướng ngại vật để bật nhảy? |
| **2. Khám phá(khảo sát):** | 7 phút | - Trẻ cùng nhau về nhóm và khám phá những nguyên vật liệu cô đã chuẩn bị hoặc  tìm kiếm xung quanh lớp và lựa chọn 1 loại vật liệu làm chướng ngại vật.  - Khám phá sân tập  - Trẻ tạo ra các chướng ngại vật từ các nguyên liệu đã chọn.  - Khám phá các bước bật nhảy để vượt qua thử thách. | - Cô khảo sát, hỗ trợ chia nhóm theo đặc điểm thể lực của trẻ.  - Đặt câu hỏi để trẻ nói ra ý tưởng, cách làm của nhóm mình:   * Con sẽ tạo ra vật cản gì? Các vật cản có hình dạng gì? * Con sử dụng vật liệu gì làm vật cản? * Tại sao con lại chọn vật liệu…. này?   - Cô làm mẫu cách bật..  - Quan sát, sửa sai cho trẻ |
| **3. Giải thích (chia sẻ):** | 10 phút | - Trẻ chia sẻ về các bước trẻ thực hiện vận động bật liên tục qua 5 ô.Cách tạo ra chướng ngại vật, khó khăn trẻ gặp trong quá trình tạo chướng ngại vật.  - Trẻ đặt các câu hỏi hoặc nêu ý kiến cần được giải đáp.  - Cải thiện chướng ngại vật của mình nếu chưa phù hợp ( làm vòng to/nhỏ hơn,..) | - Cô đặt câu hỏi/giải thích cho trẻ giúp trẻ cải thiện những khó khăn trong quá trình thực hiện ( xếp vòng quá to, các vòng cách nhau xa, con tiếp đất chưa đúng...):  - Con vừa thực hiện vận động gì?  - Con bật qua các vòng như thế nào?  - Vì sao con con bị dẫm lên chướng ngại vật?  - Theo con vì sao con chưa bật liên tục được qua?  - Làm sao để chướng ngại vật phù hợp với bước nhảy của con?  - Làm sao để mình có thể đứng vững khi nhảy vào vòng nhỉ?  - Cô làm mẫu và hướng dẫn cách bật nhảy. |
| **4. Áp dụng** | 10 phút | - Trẻ luyện tập bật liên tục qua 5 ô.  - Thực hiện những thử thách cao hơn( bật qua nhiều ô hơn, bật ở các địa hình khác nhau: cát, cỏ…) tùy khả năng của trẻ. | Cô quan sát, động viên khuyến khích trẻ thực hiện.  - Đưa thêm thử thách với trẻ đã tập tốt.  - Động viên, hỗ trợ , giảm yêu cầu với những trẻ còn chưa thực hiện được. |
| **5. Đánh giá** |  | - Chơi trò chơi: Sói ơi mấy giờ rồi. | - GV quan sát và đánh giá trẻ xem trẻ đã thực hiện được vận động chưa?  - Điều chỉnh yêu cầu của bài tập phù hợp với thể lực của trẻ.  - Bổ trợ thêm vận động cho các trẻ còn yếu vào các hoạt động khác trong ngày. ( chơi trò chơi, bật nhảy đến nơi uống nước...) |

**\* Đánh giá trẻ hàng ngày** (Đánh giá những vấn đề nổi bật về: Tình hình sức khỏe; trạng thái cảm xúc; thái độ và hành vi của trẻ; kiến thức, kỹ năng của trẻ)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Ưu điểm** | **Hạn chế** | **Cải thiện** |
| **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................** | **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................** | **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **..........................**  **..............................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................** |

**GIÁO ÁN PHÁM PHÁ MÀU SẮC**

**Đối tượng: Trẻ 5-6 tuổi**

**I.MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU:**

**1.Kiến thức:**

**\* Khoa học:** Trẻ biết tên các màu sắc, ứng dụng của màu sắc trong cuộc sống, trẻ thấy màu sắc có ở tất cả mọi thứ xung quanh trẻ, trẻ biết sự biến đổi của màu sắc khi pha trộn các màu vào nhau. Lợi ích của màu sắc trong cuộc sống. Biết một số nguyên liệu có thể tạo ra màu sắc trong tự nhiên (nghệ, thanh long, lá cây, củ dền…)

**\* Công nghệ:** Trẻ biết sử dụng công cụ, dụng cụ trong quá trình khám phá: cối, chày, máy ép, máy xay,bút lông, khay pha màu, túi ziplock, giấy ăn dụng cụ đựng màu( bát, cốc, chai thủy tinh…)

**\* Kỹ thuật:** Trẻ biết các bước tạo ra màu (dã, nhiền, lọc) ,pha màu sắc, công thức trộn màu sắc để tạo thành màu mới từ các nguyên liệu tự nhiên ( xanh dương + vàng; vàng + đỏ; đỏ + xanh dương)...

**\* Nghệ Thuật:** Trẻ biết cảm nhận vẻ đẹp màu sắc trong thiên nhiên, biết in, nhuộm, vẽ, tô màu trang trí áo, nhuộm vải, vẽ tranh...

**\* Toán học:** Trẻ học số đếm số lượng màu sắc, nguyên liệu, đong nguyên liệu, biết khái niệm tỉ lệ trong công thức: 1:1, 1:2…

**2. Kỹ năng:**

- Rèn luyện kỹ năng dã, nghiền, lọc khi tạo màu từ các nguyên liệu

- Rèn luyện kỹ năng đong, điếm khi pha trộn màu

- Kỹ năng nhào nặn bột, vẽ, tô màu, in ấn trang trí áo, vẽ tranh...

**\* Yêu cầu**:

+ Trẻ tạo ra các màu sắc từ các nguyên liệu tự nhiên.

+ Trẻ tạo ra màu sắc, pha trộn tạo thành màu mới làm bột nặn màu sắc/ trang trí áo, nhuộm vải/ vẽ tranh từ các nguyên liệu tự nhiên

**3. Giáo dục**

- Trẻ tích cực, vui vẻ tham gia vào hoạt động.

- Lấy cất đồ dùng đúng nơi quy định.

- Yêu thích và giữ gìn sản phẩm của mình.

**II. CHUẨN BỊ VẬT LIỆU**

- Video về màu sắc trong tự nhiên

- Slide trò chơi thử thách cho bé: nhà ảo thuật

- Slide hướng dẫn hoạt động khám phá

- Các nguyên liệu tạo màu: Lá dứa, củ dền, thanh long, nghệ….

- Mỗi nhóm

+ 1 Cối chày, rây lọc

+ 3 cốc thủy tỉnh, 3 bát thủy tinh to, nước, 3 túi zip, khay

- Giấy ăn khô to hoặc cuộc giấy vệ sinh

- Các miếng vải trắng, giấy A4, cọ vẽ, bột mì…

- Bảng ghi chép kết quả, bút màu, bút dạ

**II. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các bước** | **Thời lượng** | **HĐ của học sinh** | **HĐ của giáo viên** |
| **1. Gắn kết** |  | - Trẻ xem video  - Chơi trò chơi  - Trả lời câu hỏi.  - Trẻ đưa ra ý kiến, chia sẻ giải pháp với vấn đề cô đưa ra ( sẽ không nhìn thấy gì cả,  tất cả sẽ là màu đen…)  - Trẻ gọi tên các màu sắc trẻ biết.    - Trẻ tưởng tượng và đoán về các màu trộn vào nhau sẽ như thế nào?  - Đưa ra ý kiến của mình. | - Xem clip sự kỳ diệu của màu sắc trong tự nhiên.  - Tạo bối cảnh để giải quyết “ điều gì sẽ xảy ra nếu màu sắc ở thế giới tự nhiên biến mất?”  - Trò chơi nhà ảo thuật nhí  - Cô thăm dò kiến thức của trẻ bằng việc để trẻ kể tên các màu sắc trong bảng màu với trò chơi: Nhà ảo thuật nhí ( biến màu cho đồ vật trong hình ảnh trẻ nhìn thấy..)  - Tạo ra bối cảnh giải quyết vấn đề: “Nếu các màu sắc cơ bản được hòa trộn vào nhau, điều gì sẽ xảy ra?” |
| **2. Khám phá(khảo sát):** | 7 phút | - Khám phá 1 số công thức tạo ra các màu khác nhau từ 3 màu cơ bản.  - Trẻ về các nhóm khám phá về các giỏ nguyên vật liệu đề tạo ra màu sắc và  khám phá công thức tạo màu  + Nhóm 1: Dã nguyên liệu tạo màu  + Nhóm 2: Xay nguyên liệu tạo màu  + Nhóm 3: ép các nguyên liệu tạo màu  Trẻ phân công nhiệm vụ trong  nhóm:  Pha màu:  Trẻ trộn màu trong túi ziplock, quan sát màu biến đổi khi pha trộn các màu sắc trong cốc nước đã pha màu, màu biến đổi qua giấy ăn.  - Trẻ sử dụng bảng ghi chép để ghi chép kết quả. Lựa chọn loại công cụ, dụng cụ để khám phá theo nhóm. | - Trình chiếu Slide và đặt các câu hỏi kích thích trẻ tư duy, tưởng tượng, phán đoán khi khám phá công thức tạo ra các màu.  - Cô hỗ trợ chia trẻ về nhóm tạo màu và pha trộn màu theo công thức để tìm ra màu mới. ( cô có thể in công thức pha màu cho từng nhóm).  - Cô đặt các câu hỏi thăm dò, gợi mở, kích thích trẻ chia sẻ, khám phá, tìm kiếm, cho trẻ sử dụng các dụng cụ hỗ trợ và ghi chép lại:  + Con đang làm gì?  + Con sử dụng nguyên liệu gì?  + Nghiên liệu này sẽ tạo ra màu gì?  + Điều gì sẽ xảy ra nếu con pha màu… với màu…?  + Làm cách nào để tạo ra màu…? |
| **3. Giải thích (chia sẻ):** | 10 phút | - Các nhóm chia sẻ về cách tạo màu và công thức pha màu của nhóm mình.  - Các nhóm chia sẻ về kết quả từ phiếu ghi chép và khó khăn trong quá trình khám phá của mình.  + Đặt các câu hỏi, thắc mắc mà trẻ chưa giải đáp được.  + Trẻ thảo luận, đưa ra ý tưởng sáng tạo của nhóm mình.  Trẻ chia sẻ với cô và các bạn hiểu biết của mình về ích lợi của màu sắc: làm trang trí món ăn cho đẹp, nhuộm màu quần áo, tô màu bức tranh…. | - Cô đặt câu hỏi kích thích, gợi ý trẻ chia sẻ những điều trẻ đã khám phá được.  - Cô tổng hợp ý kiến và chia sẻ kiến thức cho trẻ về hiện tượng gió.  - Hỗ trợ trả lời hoặc gợi ý cách tìm hiểu, làm rõ thông tin qua các phương tiện hỗ trợ (internet, ông bà bố mẹ, gợi mở 1 hoạt động khám phá tiếp theo…)  - Màu sắc có những lợi ích gì với cuộc sống của chúng ta?  - Con có thể tạo ra sản phẩm gì từ những màu sắc này? |
| **4. Áp dụng** | 10 phút | - Trẻ áp dụng kiến thức đã được khám phá áp dụng vào việc vẽ một bức tranh, nhuộm vải từ màu, trang trí áo, làm bột nặn màu sắc... | Cô quan sát, động viên khuyến khích trẻ thực hiện.  - Động viên, hỗ trợ những trẻ còn chưa thực hiện được. |
| **5. Đánh giá** |  | - Trẻ trưng bày, chia sẻ sản phẩm của mình với cô và các bạn. | - GV quan sát và đánh giá trẻ xem đã hiểu rõ về công thức pha trộn màu và khi kết hợp các màu với nhau tạo ra màu gì? Trẻ nắm được đến đâu rồi? (Đánh giá trẻ dựa trên kỹ năng 4C: Tư duy phản biện, sáng tạo, hợp tác, giao tiếp). |

**\* Đánh giá trẻ hàng ngày** (Đánh giá những vấn đề nổi bật về: Tình hình sức khỏe; trạng thái cảm xúc; thái độ và hành vi của trẻ; kiến thức, kỹ năng của trẻ)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Ưu điểm** | **Hạn chế** | **Cải thiện** |
| **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................** | **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................** | **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **..........................**  **..............................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................** |

**GIÁO ÁN THIẾT KẾ XE CHỞ HÀNG**

**Đối tượng: Trẻ 4 - 5 tuổi**

**I.MỤC TIÊU BÀI HỌC:**

**1.Kiến thức:**

**\* Khoa học:** Trẻ biết cầu tạo, đặc điểm tên gọi của xe chở hàng gồm các bộ phận: bánh xe, thân xe, khoang để hàng...Biết tên gọi đặc điểm một số loại xe chở hàng: xe tải, xe kéo, xe xích lô, xe ba gác….

**\* Công nghệ:** Trẻ biết sử dụng công cụ dụng cụ khám phá: kéo, băng dính, dập gim,

**\* Kỹ thuật:** Quy trình, các bước tạo ra chiếc xe chở hàng

**\* Nghệ Thuật:** Trẻ tạo ra chiếc xe có thể trở hàng, trang trí chiếc xe.

**\* Toán học:** Trẻ học số đếm, hình dạng: vuông, chữ nhật, hình tròn

**\* Kỹ năng khác**: Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng chia sẻ, lắng nghe, kỹ năng phản biện, trình bày

**II. CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG:**

 - Vỏ chai nhựa các kích cỡ to nhỏ

- Nắp chai lavie đã được đục lỗ làm bánh xe

- Vỏ hộp sữa có kích thước to nhỏ làm thùng xe, thân xe

- Que xiên, ống hút

- Dụng cụ: kéo, băng dính, bút chì, giấy A4, A3,

**II. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các bước** | **Thời lượng** | **HĐ của học sinh** | **HĐ của giáo viên** |
| **1. Hỏi** | 7 - 10 phút | - Lắng nghe, quan sát.  - Đặt các câu hỏi về vấn đề được đưa ra  **-** Đưa ra ý kiến và giải pháp của mình | - Tạo bối cảnh: Xem Video về bạn nhỏ thu don lego mà hay bị rơi xuống đất liên tục, phải di chuyền nhiều lần để cất đồ chơi.  Hỏi: Có cách nào để chở được nhiều đồ chơi không? |
| **2. Tưởng tượng** | 15 - 20 phút | Chia nhóm thực hiện.  Cho trẻ chia sẻ câu trả lời của mình.  Lựa chọn loại xe định làm và nêu ra đặc điểm của phương tiện đó. Muốn làm được thì cần những nguyên vật liệu gì? | - Cho trẻ xem slide về các loại xe có thể chở hàng: xe ô tô, xe ba bánh, xe xích lô, xe lam  - Khảo sát sự hiểu biết của trẻ về câu tạo của các loại xe  chở hàng, sau đó đưa ra giải pháp lựa chọn để làm xe. |
| **3. Lập kế hoạch** | 10 phút | - Trẻ thiết kế mô hình xe chở hàng trên giấy A3 hoặc A4 | - Gv bao quát, đánh giá quá trình trẻ thực hiện và đặt cau hỏi. |
| **4. Sáng tạo** | 10 phút | Trẻ lựa chọn nguyên vật liệu, đồ dùng để sáng tạo  - Phân công công việc trong nhóm để cùng bắt tay vào làm | - Gv bao quát, đánh giá quá trình trẻ thực hiện |
| **5. Cải tiến** | 5 phút | - Trẻ thuyết trình và thử nghiệm.  - Lắng nghe ý kiến nhận xét của các bạn nhóm khác   Trẻ cải thiện chiếc xe của mình trong trường hợp: xe không trở được đồ chơi, xe không đứng được hoặc xe chưa được trang trí đẹp mắt, phù hợp. | Giáo viên lắng nghe chia sẻ của trẻ  Quan sát quá trình trẻ hoàn thành và thử nghiệm trên sản phẩm  Điều phối các nhóm đóng góp ý kiến cho nhóm bạn. |

**\* Đánh giá trẻ hàng ngày** (Đánh giá những vấn đề nổi bật về: Tình hình sức khỏe; trạng thái cảm xúc; thái độ và hành vi của trẻ; kiến thức, kỹ năng của trẻ)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Ưu điểm** | **Hạn chế** | **Cải thiện** |
| **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................** | **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................** | **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **..........................**  **..............................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................** |

**GIÁO ÁN CÁCH SỬ DỤNG MỘT SỐ LOẠI DAO**

**Đối tượng: Trẻ 4 - 5 tuổi**

**I.MỤC TIÊU BÀI HỌC:**

**1.Kiến thức:**

**\* Khoa học:** Trẻ biết tên gọi của 1 số loại dao, chất liệu, cấu tạo đặc điểm của dao. Biết phân biệt sử dụng những loại dao phù hợp với từng mục đích sử dụng khác nhau: dao để cắt, dao trang trí tạo hình cho nguyên liệu, trẻ biết tên và công dụng của một số nguyên liệu làm salad.

**\* Công nghệ:** Cách sử dụng dao đúng cách, an toàn

**\* Kỹ thuật:** Trẻ biết cách cầm dao để cắt, bổ, thái, băm nguyên liệu để tạo ra sản phẩm.

Biết quy trình làm món salad trộn

**\* Nghệ thuật:** Trẻ trang trí đĩa salad đẹp mắt, sạch sẽ.

**\* Toán:** Trẻ sẽ khám phá về số đếm, thứ tự: trước, sau. Một số hình dạng trong rau củ.

**\* Kỹ năng khác**: Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng chia sẻ, lắng nghe, kỹ năng phản biện, trình bày

**II. CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG:**

**+** 1 số loại dao: Dao lưỡi mịn mũi tròn kích thước nhỏ, nạo củ quả, dao có lưỡi răng cưa.

**+** 1 số loại rau, củ, quả: rau xà lách, quả lê, dưa chuột, táo, xúc xích, cà chua bi

**+** Thớt, tạp dề, đĩa.

**+** Sốt Mayonia

+ Quy trình làm món salad rau củ quả.

**II. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các bước** | **Thời lượng** | **HĐ của học sinh** | **HĐ của giáo viên** |
| **1. Gắn kết** | 7 - 10 phút | - Lắng nghe, quan sát.  - Đặt các câu hỏi về các đồ vật trên bàn.  **-** Đưa ra ý kiến của mình. | - Cô đưa đồ dùng: các loại dao và các loại rau củ quả đặt lên bàn.  - Cho trẻ quan sát và kể tên các đồ vật trên bàn.  - Đưa ra vấn đề: Với những vật dụng và nguyên liệu này các con nghĩ đến điều gì? |
| **2. Khám phá** | 15 - 20 phút | Chia nhóm thực hiện.  Cho trẻ chia sẻ câu trả lời của mình.  Trẻ phân công nhiệm vụ: Ai là người nạo vỏ? Ai là người thái rau? Ai là người bổ quả?  Lựa chọn loại công cụ, dụng cụ để thái, nạo, bổ. | Ai đã biết sử dụng các loại dao này rồi?  Con sẽ sử dụng dao nào ?  Con cầm dao bằng tay nào ?  Con sẽ cầm ở phần nào của dao?  Với quả dưa chuột này con sẽ sử dụng dao nào để gọt vỏ.  Khi sử dụng dao con cần lưu ý điều gì?  Cô bao quát, hỗ trợ trẻ khi cần thiết. |
| **3. Giải thích (chia sẻ):** | 10 phút | - Trẻ chia sẻ về cách mà nhóm mình thực hiện sử dụng nạo như thế nào? Dùng dao lưỡi phẳng bổ quả táo hay dùng dao răng cưa để bổ?  - Nhóm trẻ còn lại lắng nghe, đặt cậu hỏi hoặc đưa ra ý kiến phản biện. | - Gv lắng nghe ý kiến của các nhóm và giúp trẻ tổng hợp lại kiến thức. |
| **4. Áp dụng** | 10 phút | Cho trẻ làm món salad hoa quả. | Cho trẻ xem quy trình làm salad.  GV hỗ trợ các nhóm trong quá trình thực hiện. |
| **5. Đánh giá** | 5 phút | - Trẻ thuyết trình  của nhóm mình.  - Trưng bày sản phẩm thực hành của nhóm. | - GV quan sát và đánh giá trẻ xem đã nắm được chưa? Nắm được đến đâu rồi? (Đánh giá trẻ dựa trên kỹ năng 4C: Tư duy phản biện, sáng tạo, hợp tác, giao tiếp). |

**\* Đánh giá trẻ hàng ngày** (Đánh giá những vấn đề nổi bật về: Tình hình sức khỏe; trạng thái cảm xúc; thái độ và hành vi của trẻ; kiến thức, kỹ năng của trẻ)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Ưu điểm** | **Hạn chế** | **Cải thiện** |
| **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................** | **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................** | **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **..........................**  **..............................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................** |

**GIÁO ÁN STEAM LÀM SỮA CHUA**

**Đối tượng: Trẻ 4 - 5 tuổi**

**I. MỤC TIÊU:**

**\* Khoa học**: Trẻ biết được tên, hiểu được đặc điểm một số nguyên liệu làm sữa chua, biết được lợi ích của sữa chua tốt cho hệ tiêu hóa, làn da và sức khỏe của con người.

**\* Công nghệ:** Cách sử dụng các dụng cụ trong quá trình làm sữa chua: dụng cụ đong, thìa, bát.

**\* Kỹ thuật:** Trẻ biết làm sữa chua theo quy trình của cô.

     \* **Nghệ thuật:** Trang trí hộp sữa chua cho đẹp.

**\* Toán học:** Trẻ biết đong đo các nguyên liệu chính xác các mức theo yêu cầu. Trẻ học về màu sắc, số đếm.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Bảng quy trình các bước của cô.

- Nguyên liệu: Sữa tươi không đường, sữa đặc, nước, sữa chua men sống.

- Dụng cụ: Cốc đong có vạch, thìa, hộp nhỏ đựng sữa chua, hộp xốp để ủ.

**II. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các bước** | **Thời lượng** | **HĐ của học sinh** | **HĐ của giáo viên** |
| **1. HỎI** | 7 - 10 phút | - Lắng nghe. Chia sẻ những kiến thức và hiểu biết của mình về những nguyên vật liệu có thể làm được sữa chua  - Thảo luận và đưa ra ý kiến của mình.  - Trẻ hỏi về cách làm sữa chua | - Nhiệm vụ: Làm sữa chua để ăn sau bữa ăn chiều ngày mai.  - Để làm sữa chua cần những nguyên liệu gì?  - Với các nguyên liệu này con sẽ làm món sữa chua như thế nào?  - Bước đầu tiên con sẽ làm gì?  - Cho trẻ xem bảng quy trình các bước của cô. |
| **2. TƯỞNG TƯỢNG** | 7 phút | - Trẻ tưởng tượng các bước làm và cách làm sữa chua.  - Đong bao nhiêu ml nước? Bao nhiêu ml sữa đặc? Sữa tươi sẽ đong là bao nhiêu? Và cho mấy hộp men sống?  - Chia nhóm, thảo luận các bước làm sữa chua. | - Hỗ trợ, chia nhóm.  - Quan sát, ghi nhận ý tưởng của trẻ. |
| **3. LẬP KẾ HOẠCH** | 1. phút | - Trẻ xác định bước đầu tiên sẽ sử dụng nguyên liệu gì?  -Vẽ quy trình các bước ra giấy. | -  Giáo viên quan sát, ghi nhận. |
| **4. SÁNG TẠO** |  | - Trẻ thực hiện làm sản phẩm theo bảng quy trình các bước của cô.  - Khi đã làm xong cho trẻ mang sữa chua bỏ vào thùng xốp và để ủ qua đêm.  - Hôm sau sẽ kiểm tra kết quả. | GV hỗ trợ các nhóm trong quá trình thực hiện.  Chú ý quan sát quá trình trẻ đong đo. |
| **5. CẢI TIẾN** |  | + Nếu sữa chua của trẻ bị lỏng quá không đông được hoặc khi uống bị ngọt quá.Cho trẻ tìm ra nguyên nhân và giải pháp khắc phục hoặc có thể bắt đầu lại quy trình. | - GV quan sát và đánh giá trẻ xem đã nắm được chưa?  - Nắm được đến đâu rồi? (Đánh giá trẻ dựa trên kỹ năng 4C: Tư duy phản biện, sáng tạo, hợp tác, giao tiếp). |

**\* Đánh giá trẻ hàng ngày** (Đánh giá những vấn đề nổi bật về: Tình hình sức khỏe; trạng thái cảm xúc; thái độ và hành vi của trẻ; kiến thức, kỹ năng của trẻ)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Ưu điểm** | **Hạn chế** | **Cải thiện** |
| **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................** | **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................** | **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **..........................**  **..............................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................** |

**GIÁO ÁN KHÁM PHÁ TRỨNG**

**Đối tượng: Trẻ 4 - 5 tuổi**

**I.MỤC TIÊU BÀI HỌC:**

**1.Kiến thức:**

**\* Khoa học:** Trẻ nhận biết được những con vật nào đẻ ra từ trứng. Trẻ biết trứng có 1 số đặc điểm, cấu tạo, hình dạng, tính chat của vỏ trứng, lòng trắng, lòng đỏ, trứng sống, trứng chín. Trẻ lợi ích từ trứng: các món ăn tốt cho sức khỏe ....

**\* Công nghệ:** Trẻ biết sử dụng công cụ, dụng cụ trong quá trình khám phá: đèn pin, thước dây, bút chỉ.

**\* Kỹ thuật:** Trẻ biết các bước đập trứng, bóc vỏ trứng, tách lòng đỏ, lòng trắng trứng bằng dụng cụ như: phễu, thìa.

**\* Nghệ thuật:** Trẻ trang trí, tạo hình từ vỏ trứng

**\* Toán:** Trẻ biết hình dạng quả trứng, lòng đỏ trứng, kích thước: to hơn, nhỏ hơn

**\* Kỹ năng khác**: Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng chia sẻ, lắng nghe, kỹ năng phản biện, trình bày

**II. CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG:**

- Video khoa học về loại động vật đẻ trứng

+ Powerpoint về gợi ý hình ảnh các loài động vật đẻ trứng.

+ Trứng gà, trứng vịt, trứng ngỗng, trứng chim cút (chuẩn bị trứng luộc và trứng sống)

+ Bảng ghi chép khám phá,

+ Dụng cụ khám phá: bút dạ (bút chỉ), thước dây, đĩa, dao…

**II. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các bước** | **Thời lượng** | **HĐ của học sinh** | **HĐ của giáo viên** |
| **1. Gắn kết** | 7 - 10 phút | - Lắng nghe, quan sát.  - Đặt các câu hỏi về các đồ vật về trứng.  **-** Đưa ra ý kiến của mình. | - Tạo bối cảnh: Cho trẻ xem clip về những con vật đẻ ra trứng.  - Trẻ gọi tên những con vật để ra trứng trẻ biết  Đặt vấn đề giải quyết: Các con muốn biết gì về quả trứng? |
| **2. Khám phá** | 15 - 20 phút | Chia nhóm thực hiện.  Cho trẻ chia sẻ câu trả lời của mình.  Trẻ phân công nhiệm vụ trong nhóm: Đo, bóc vỏ trứng, cắt trứng, tách lòng đỏ…  Lựa chọn loại công cụ, dụng cụ để khám phá. | Trẻ khám phá theo nhóm về các loại trứng: trứng gà, trứng vịt, trứng chim cút, trứng ngỗng (dùng phiều quan sát đề thưc hiên nhiêm vu nàv)  - Trẻ sử dụng dụng cụ để khám phá trứng: dùng thước để đo kích thước trứng, đập trứng sống để quan sát bên trong ( màu sắc, hình dạng, tính chất), tách lòng đỏ trứng bằng phếu hoặc vỏ chai nhựa 500ml. Bóc quả trứng đã luộc chín để so sánh trứng chín và sống. Quan sát trứng nồi, trứng chìm. |
| **3. Giải thích (chia sẻ):** | 10 phút | - Trẻ chia sẻ về kết quả khám phá.  - Nhóm trẻ còn lại lắng nghe, đặt cậu hỏi hoặc đưa ra ý kiến phản biện. | - Gv lắng nghe ý kiến của các nhóm và giúp trẻ tổng hợp lại kiến thức. |
| **4. Áp dụng** | 10 phút | Trẻ chia sẻ với cô và các bạn hiểu biết của mình về ích lợi của trứng.  Trẻ  thực hiện thử thách mới theo yêu cầu của trò chơi | - Cô cùng trò chuyện với trẻ về ích lợi của trứng. Xem clip một số món ăn từ trứng  - Trẻ áp dụng kiến thức đã được khám phá thông qua thử thách  + Thử thách 1: Vẽ (đồ) lại hình dạng của 5 quả trứng trong vòng 10 giây  + Thử thách 2: Hoạt động mở rộng sau tiết học: Sưu tầm vỏ trứng đã bóc vụn để tạo ra một bức tranh hoặc trang trí vỏ trứng làm chậu trồng hạt giống. |
| **5. Đánh giá** | 5 phút | - Trẻ thuyết trình  của nhóm.  - Trưng bày sản phẩm thực hành của nhóm. | - GV quan sát và đánh giá trẻ xem đã nắm được chưa? Nắm được đến đâu rồi? (Đánh giá trẻ dựa trên kỹ năng 4C: Tư duy phản biện, sáng tạo, hợp tác, giao tiếp). |

**\* Đánh giá trẻ hàng ngày** (Đánh giá những vấn đề nổi bật về: Tình hình sức khỏe; trạng thái cảm xúc; thái độ và hành vi của trẻ; kiến thức, kỹ năng của trẻ)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Ưu điểm** | **Hạn chế** | **Cải thiện** |
| **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................** | **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................** | **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **..........................**  **..............................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................** |

**GIÁO ÁN KHÁM PHÁ SỰ HÒA TAN CỦA MUỐI**

**Đối tượng: Trẻ 4 - 5 tuổi**

**I.MỤC TIÊU BÀI HỌC:**

**1.Kiến thức:**

**\* Khoa học:** Đặc điểm của muối: Màu trắng, thể rắn,  Tính chất: Vị mặn, hòa tan trong nước.

**\* Công nghệ:** Trẻ biết sử dụng công cụ, dụng cụ trong quá trình khám phá: kính lúp, bình, lọ, cốc , thìa, cân

**\* Kỹ thuật:** Quy trình pha nước muối xúc miệng

**\* Nghệ thuật:** Trang trí, vẽ làm đẹp lọ đựng nước muối

**\* Toán:** Đong đo nước, cân số lượng muối để làm nước xúc miệng

**\* Kỹ năng khác**: Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng chia sẻ, lắng nghe, kỹ năng phản biện, trình bày

**II. CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG:**

- Muối trắng: 100gram

+ Chai lọ đựng nước muối

+ Thìa, bát dựng

+ 200ml Nước lọc

+ Bảng ghi chép khám phá,

+ Dụng cụ khám phá: Kính lúp, bút dạ (bút chỉ), phễu, một số nguyên vật liệu trang trí( kim sa, giấy màu…)

**II. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các bước** | **Thời lượng** | **HĐ của học sinh** | **HĐ của giáo viên** |
| **1. GẮN KẾT** | 10 phút | - Lắng nghe  - Đặt câu hỏi về các nguyên liệu cô mang đến.  - Đưa giải pháp pha nước với muối | -. Đưa ra bối cảnh “chăm sóc răng miệng và sức khỏe bản thân”.  - Cô mang đến 1 số chai lọ,  dụng cụ và muối hạt, muối tinh |
| **2. KHÁM PHÁ** | 20 phút | -. Chia nhóm khám phá các loại muối: Muối tinh, muối hạt  - Lựa chọn các loại công cụ, dụng cụ để khám phá: giấy, bút, thìa, cân, cốc, nước, kính lúp ... | - Hỗ trợ phân công nhiệm vụ  - Hỗ trợ lựa chọn dụng cụ khám phá  - Cô đưa ra quy trình pha nước muối theo 03 bước:  + Bước 1: Cho nước vào cốc- chai theo vạch sẵn.  + Bước 2: Lựa chọn loại muối để cho vào, theo công thức: 200ml nước lọc: 1 thìa café muối, nếm thử vị mặn, nhạt  + Bước 3: trang trí lọ- sp của mình |
| **3. CHIA SẺ** | 10 phút | -. Trẻ chia sẻ về cách mà nhóm mình sẽ pha nước muối, sẽ định sử dụng tỉ lệ muối và nước là bao nhiêu | - Cho trẻ xem clip về pha  nước muối |
| **4. ÁP DỤNG** |  | Mang đi xúc miệng sau bữa ăn, mang về nhà xúc miệng vào tối sau khi đánh răng xong và sáng khi ngủ dậy | GV cho trẻ chia sẻ về lợi ích của nước muối đối với cơ thể. Cho trẻ xem các hình ảnh liên quan về vấn đề trẻ và cô đang khám phá.  GV hướng dẫn trẻ cách sử dụng nước muối. |
| **5. ĐÁNH GIÁ** | Trong và sau quá trình | Trẻ thuyết trình về sản phẩm của mình.  Trẻ sử dụng nước muối phù hợp | Tổ chức ngày hội sức khỏe dành |

**\* Đánh giá trẻ hàng ngày** (Đánh giá những vấn đề nổi bật về: Tình hình sức khỏe; trạng thái cảm xúc; thái độ và hành vi của trẻ; kiến thức, kỹ năng của trẻ)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Ưu điểm** | **Hạn chế** | **Cải thiện** |
| **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................** | **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................** | **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **..........................**  **..............................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................** |

**GIÁO ÁN KHÁM PHÁ MÀU SẮC**

**Đối tượng: Trẻ 4 - 5 tuổi**

**I.MỤC TIÊU BÀI HỌC:**

**1.Kiến thức:**

**\* Khoa học:** Trẻ biết tên các màu sắc, ứng dụng của màu sắc trong cuộc sống, trẻ thấy màu sắc có ở tất cả mọi thứ xung quanh trẻ, trẻ biết sự biến đổi kỳ diệu của màu sắc khi pha trộn các màu vào nhau. Lợi ích của màu sắc

**\* Công nghệ:** Trẻ biết sử dụng công cụ, dụng cụ trong quá trình khám phá.

**\* Kỹ thuật:** Trẻ biết pha màu nước, trộn các màu sắc tạo ra màu mới

**\* Nghệ thuật:** Trẻ biết cảm nhận vẻ đẹp của màu sắc, biết dùng màu trang trí sản phẩm tạo hình

**\* Toán học:** Trẻ học đếm có bao nhiêu màu sắc trong cuộc sống

**\* Kỹ năng khác**: Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng chia sẻ, lắng nghe, kỹ năng phản biện, trình bày

**II. CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG:**

- Video khoa học về màu sắc có trong tự nhiên

-  Powerpoint khám phá bảng màu

- Powerpoint trò chơi rung chuông vàng tìm hiểu về lợi ích của màu sắc trong cuộc sống.

- Màu nước cơ bản: Vàng, đỏ, xanh dương,

- Bút lông

- 3 Cốc thủy tinh, 1 bát thủy tinh trong to, nước, 03 túi ziplock

- Phiếu ghi chép kết quả, bút màu, bút dạ

- Giấy ăn khổ to hoặc cuộn giấy vệ sinh

+ Bảng ghi chép khám phá,

**II. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các bước** | **Thời lượng** | **HĐ của học sinh** | **HĐ của giáo viên** |
| **1. Gắn kết** | 7 - 10 phút | - Lắng nghe, quan sát.  - Đặt các câu hỏi về các đồ vật về trứng.  **-** Đưa ra ý kiến của mình. | - Xem clip sự kỳ diệu của màu sắc trong tự nhiên. Tạo bối cảnh để trẻ giải quyết: "Điều gì xảy ra nếu màu sắc ở thế giới tự nhiên bị biến mất?"  - Cô thăm dò hiểu biết của trẻ về việc gọi tên màu sắc trong bảng màu.  - Tiếp tục tạo ra bối cảnh giải quyết vấn đề: Nếu các màu sắc cơ bản được hòa trộn vào nhau điều gì sẽ xảy ra? |
| **2. Khám phá** | 15 - 20 phút | Chia nhóm thực hiện.  Trẻ phân công nhiệm vụ trong 3 nhóm: trộn màu trong túi ziplock, quan sát màu biến đổi khi pha trộn các màu sắc trong cốc nước đã pha màu, màu biến đổi qua giấy ăn.  Lựa chọn loại công cụ, dụng cụ để khám phá.  Cho trẻ chia sẻ câu trả lời của mình. | Khám phá về 1 số công thức tạo ra các màu khác nhau từ các màu cơ bản:  + Màu đỏ + Màu xanh dương  + Màu vàng + Màu đỏ  + Màu xanh dương + Màu vàng  - Trẻ sử dụng công cụ dụng cụ để khám phá: trộn màu trong túi ziplock, quan sát màu biến đổi khi pha trộn các màu sắc trong cốc nước đã pha màu, màu biến đổi qua giấy ăn.  - Trẻ sử dụng bảng ghi chép để ghi chép kết quả. |
| **3. Giải thích (chia sẻ):** | 10 phút | - Trẻ chia sẻ về kết quả khám phá.  - Nhóm trẻ còn lại lắng nghe, đặt cậu hỏi hoặc đưa ra ý kiến phản biện. | - Gv lắng nghe ý kiến của các nhóm và giúp trẻ tổng hợp lại kiến thức. |
| **4. Áp dụng** | 10 phút | Trẻ chia sẻ với cô và các bạn hiểu biết của mình về ích lợi của màu sắc  Trẻ  thực hiện thử thách mới theo yêu cầu của trò chơi | - Cô cùng trò chuyện với trẻ về ích lợi của màu sắc trong cuộc sống  Chơi trò chơi rung chuông vàng. |
| **5. Đánh giá** | 5 phút | - Trẻ thuyết trình  của nhóm.  - Trưng bày sản phẩm thực hành của nhóm. | - GV quan sát và đánh giá trẻ xem đã nắm được chưa? Nắm được đến đâu rồi? (Đánh giá trẻ dựa trên kỹ năng 4C: Tư duy phản biện, sáng tạo, hợp tác, giao tiếp). |

**\* Đánh giá trẻ hàng ngày** (Đánh giá những vấn đề nổi bật về: Tình hình sức khỏe; trạng thái cảm xúc; thái độ và hành vi của trẻ; kiến thức, kỹ năng của trẻ)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Ưu điểm** | **Hạn chế** | **Cải thiện** |
|

**GIÁO ÁN KHÁM PHÁ CHIẾC ĐỒNG HỒ TREO TƯỜNG**

**Đối tượng: Trẻ 4 - 5 tuổi**

**I.MỤC TIÊU BÀI HỌC:**

**1.Kiến thức:**

**\*Khoa học:** Trẻ biết tên gọi, đặc điểm, cấu tạo bên ngoài, chất liệu, công dụng, cách sử dụng của đồng hồ. Thông qua hoạt động khám phá phát triển ở trẻ các kỹ năng tư duy, quan sát, phán đoán, phân tích, đưa giả thuyết

 \***Công nghệ:** Trẻ có kỹ năng sử dụng các đồ dùng trong khám phá: thước, kính lúp

**\*Kỹ thuật:** Trẻ được rèn luyện các kỹ năng đo đạc, ghi chép, bật, tắt hay điều chỉnh đông hồ.

**\*Toán:** Trẻ được ôn tập các kiến thức, kỹ năng về Toán: màu sắc, hình dạng, khích thước, quy tắc sắp xếp

**\*Các kỹ năng khác:** Trẻ được phát triển kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp trò chuyện trong quá trình khám phá.

**II. CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG:**

+ Đồng hồ treo tường, bút chì.

+ Bảng ghi chép khám phá,

+ Dụng cụ khám phá: bút dạ (bút chỉ), thước dây, đĩa, dao…

**II. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các bước** | **Thời lượng** | **HĐ của học sinh** | **HĐ của giáo viên** |
| **1. Gắn kết** | 7 - 10 phút | - Lắng nghe, quan sát.  - Đặt các câu hỏi xung quanh chiếc đồng hồ  **-** Đưa ra ý kiến của mình. | - Tạo bối cảnh: Cho trẻ nghe âm thanh tiếng đồng hồ tích tắc trên TV  - Yêu cầu trẻ đoán là âm thanh gì?  Trong lớp mình có đồng hồ không?  Đặt vấn đề giải quyết: Cùng nhau khám phá chiếc đồng hồ treo tường. |
| **2. Khám phá** | 15 - 20 phút | Chia nhóm thực hiện.  Cho trẻ chia sẻ câu trả lời của mình.  Trẻ phân công nhiệm vụ trong nhóm: Đo đạc, ghi chép, quan sát,  Lựa chọn loại công cụ, dụng cụ để khám phá. | - Cô đưa đồng hồ ra và hỏi trẻ:  + Đây là cái gì?  + Dùng để làm gì?  + Đồng hồ có những bộ phận nào?  - Cô chia trẻ thành 3 nhóm , mỗi nhóm 1 chiếc đồng hồ , 1 bảng khám phá và 1 cái bút, nhiệm vụ của mỗi nhóm là tìm hiểu, khám phá xem cái đồng hồ này có màu sắc gì? Hình dạng ra sao? Gồm có những gì? Làm thế nào để đồng hồ hoạt động được? Sau đó ghi chép vào bảng khám phá.  - Trong quá trình trẻ khám phá cô bao quát lớp, giúp đỡ trẻ. |
| **3. Giải thích (chia sẻ):** | 10 phút | - Trẻ chia sẻ về kết quả khám phá.  - Nhóm trẻ còn lại lắng nghe, đặt cậu hỏi hoặc đưa ra ý kiến phản biện. | - Gv lắng nghe ý kiến của các nhóm và giúp trẻ tổng hợp lại kiến thức của trẻ về chiếc đồng hồ |
| **4. Áp dụng** | 10 phút | Trẻ chia sẻ với cô và các bạn hiểu biết của mình về ích lợi của đồng hồ  Trẻ  thực hiện thử thách mới theo yêu cầu của trò chơi | - Cô cùng trò chuyện với trẻ về ích lợi của đòng hồ. Xem clip, slide về một số loại đồng hồ khác.  - Trẻ áp dụng kiến thức đã được khám phá thông qua thử thách  + Thử thách 1: Vẽ lại chiếc đồng hồ trẻ thích.  + Thử thách 2: Hoạt động mở rộng sau tiết học: Sưu tầm vỏ hộp bìa carton để chế tạo, thiết kế mô hình đồng hồ( tiết học sau) |
| **5. Đánh giá** | 5 phút | - Trẻ nhận xét nhận xét về các thành viên làm việc trong nhóm của mình và kết quả nhiệm vụ của nhóm | - GV quan sát và đánh giá trẻ xem đã nắm được chưa? Nắm được đến đâu rồi? (Đánh giá trẻ dựa trên kỹ năng 4C: Tư duy phản biện, sáng tạo, hợp tác, giao tiếp). |

**\* Đánh giá trẻ hàng ngày** (Đánh giá những vấn đề nổi bật về: Tình hình sức khỏe; trạng thái cảm xúc; thái độ và hành vi của trẻ; kiến thức, kỹ năng của trẻ)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Ưu điểm** | **Hạn chế** | **Cải thiện** |
| **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................** | **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................** | **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **..........................**  **..............................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................** |

**GIÁO ÁN VĂN HỌC TRUYỆN BA CHÚ HEO CON**

**Đối tượng: Trẻ 4 - 5 tuổi**

**I.MỤC TIÊU BÀI HỌC:**

**1.Kiến thức:**

**\* Khoa học:** Trẻ biết tên các vật liệu có thể xây nhà: gạch, gỗ, rơm. Cấu tạo của ngôi nhà. Vật liệu đó độ bền cao và vững chắc để xây nhà. Trẻ nhớ tên câu chuyện, tên nhân vật và ý nghĩa của câu chuyện

**\* Công nghệ:** Trẻ biết sử dụng máy ảnh, điện thoại để chụp lại tư liệu lớp học, cách sử dụng sa bàn.

**\* Kỹ thuật:** Trẻ sử dụng ngôn ngữ mạch lạc giọng nói diễn cảm. Trình tự kể câu chuyện: mở đầu, nội dung, kết thúc.

**\* Nghệ thuật**: Tưởng tượng về những nhân vật trong truyện, hình dáng ngôi nhà của bạn heo.

**\* Toán:** Trẻ sẽ khám phá về số đếm, thứ tự: trước, sau; Lớn hơn - bé hơn. Thời gian xây nhà: ngày, tháng.

**\* Kỹ năng khác**: Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng chia sẻ, lắng nghe, kỹ năng đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi.

**II. CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG:**

+ Tranh

+ Sa bàn

+ Trang phục hóa trang: mặt nạ, quần áo,..

**II. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các bước** | **Thời lượng** | **HĐ của học sinh** | **HĐ của giáo viên** |
| **1. Gắn kết** | 7 - 10 phút | - Lắng nghe, quan sát.  - Đặt các câu hỏi về các đồ vật trên bàn.về câu truyện cùng cô  **-** Đưa ra ý kiến của mình. | Thăm dò, khảo sát kiến thức trước đó của các con: Cô đưa ra câu truyện tranh và hỏi trẻ đã biết truyện Ba chú heo con chưa? trong truyện này có bạn nhỏ nào? Chuyện gì xảy ra với chú heo con? Vậy thì sau đây chúng mình cùng khám phá truyện: “Ba chú heo con” |
| **2. Khám phá** | 15 - 20 phút | Chia nhóm thực hiện.  (Trẻ lớn, khả năng ghi nhớ tốt cung cấp tranh, sa bàn cho các nhóm khám phá). (Nếu trẻ nhỏ thì khám phá theo từng phân nội dung). | Cô kể chuyện truyền cảm cho trẻ nghe (cô kể 1 lần), đặt câu hỏi để con nhớ tên nhân vật, tình tiết câu truyện. Cô chia nhóm cho trẻ khám phá câu chuyện |
| **3. Giải thích (chia sẻ):** | 10 phút | Trẻ chia sẻ về nội dung câu chuyện vừa được khám phá qua tranh, sa bàn, trẻ chia sẻ về tình cảm, cảm xúc của mình với nhân vật trong truyện.  - Nhóm trẻ còn lại lắng nghe, đặt cậu hỏi cho nhóm chia sẻ | - Gv lắng nghe ý kiến của các nhóm và giúp trẻ chia sẻ, kể lại câu truyện( có thể phân từng đoạn cho trẻ được lựa chọn. |
| **4. Áp dụng** | 10 phút | Cho trẻ thực hiện mô phỏng lại vai trẻ lựa chọn và theo nội dung câu truyện, trẻ tự tin và sử dụng ngôn ngữ gọng kể diễn cảm theo đúng đặc điểm của nhân vật. | - Cho trẻ đóng vai kể lại (sử dụng mặt nạ, đồ hóa trang). Vẽ tranh kể chuyện theo tranh.  - Giả định tinh huống mới để trẻ giải quyết vần đề: Em út đã làm được nhà chắc chắn để không bị sói thổi đổ rồi còn anh cả và anh hai không có nhà để ở, làm cách nào để giúp 2 bạn ấy có nhà để ở? (Trẻ sẽ đưa ra giải pháp làm nhà cho 2 bạn) (chuyên hoạt động làm nhà qua buổi khác). |
| **5. Đánh giá** | 5 phút | - Trẻ đưa ra nhận xét bạn và nhóm của mình. | - GV quan sát và đánh giá trẻ xem đã nhớ được ND câu truyện chưa? Nắm được đến đâu rồi? (Đánh giá trẻ dựa trên kỹ năng 4C: Tư duy phản biện, sáng tạo, hợp tác, giao tiếp). |

**\* Đánh giá trẻ hàng ngày** (Đánh giá những vấn đề nổi bật về: Tình hình sức khỏe; trạng thái cảm xúc; thái độ và hành vi của trẻ; kiến thức, kỹ năng của trẻ)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Ưu điểm** | **Hạn chế** | **Cải thiện** |
| **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................** | **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................**  **................................................**  **................................................**  **...............................................** | **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **..........................**  **..............................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................**  **...........................**  **...........................**  **..............................** |

**GIÁO ÁN ÂM NHẠC BÀI HÁT EM ĐI CHƠI THUYỀN**

**Đối tượng: Trẻ 4 - 5 tuổi**

**I.MỤC TIÊU BÀI HỌC:**

**1.Kiến thức:**

**\* Khoa học**: Trẻ biết phương tiện giao thông đường thủy: thuyền, đặc điểm nổi bật là  thuyền di chuyển dưới nước. Trẻ nhớ tên bài hát, biết tên tác giảT

**\* Công nghệ:** Cách sử dụng điện thoại chụp ảnh lại tư liệu khóa học, biết cách sử dụng các loại nhạc cụ: sắc xô, phách tre, lục lạc

**\* Kỹ thuật:** Hát đúng theo thứ tự bài hát

**\* Nghệ thuật:** Trẻ vỗ tay, hát theo đúng giai điệu.

**\* Toán:** Trẻ học cao- thấp, lớn- bé của âm thanh. Đếm số nhịp, phách.

**\* Kỹ năng khác**: Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng chia sẻ, lắng nghe, kỹ năng đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi.

**II. CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG:**

+ Video bài hát em đi chơi thuyền

+ Phách, xắc xô tạo ra âm thanh

+ Cốc nhựa tạo ra âm thanh

**II. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các bước** | **Thời lượng** | **HĐ của học sinh** | **HĐ của giáo viên** |
| **1. Gắn kết** | 7 - 10 phút | - Lắng nghe  - Đặt các câu hỏi về câu hát cô vừa hát  **-** Trả lời câu hỏi thăm dò kiến thức của cô giáo. | - Cô giáo hát: “Em đi chơi thuyền, thuyền em thuyền con vịt nó bơi bơi bơi, thuyền em thuyền con rồng nó bay bay bay” đố các con biết cô vừa hát bài gì? thăm dò xem trẻ đã biết gì về  bài hát chưa? Bạn nhỏ trong bài hát đi đâu nhỉ? Bạn ấy đi bằng phương tiện gì?  Tại sao thuyền của bạn ấy là thuyền con vịt, con rồng? Hãy cùng nhau tìm hiểu điều đó qua bài  hát "Em đi chơi thuyền” nhé. |
| **2. Khám phá** | 15 - 20 phút | -  nhóm trẻ thực hiện.  - Trẻ Sử dụng đạo cụ âm nhạc hát theo bài hát )  - Mỗi nhóm mang ipad về nhóm và chọn 1 loại dụng cụ, nhạc cụ để khám phá bài hát: ví dụ nhóm vỗ tay theo nhịp, nhóm vỗ phách theo nhịp, nhóm thì dùng chiếc cốc tạo ra nhịp theo giai điệu bài hát.  - Trẻ khám phá tiết tấu bằng các loại đạo cụ tạo ra âm thanh: xắc xô, cốc, phách,... | - Cô hát mẫu cho cả lớp nghe (1 lần)  - Cô cho cả lớp nghe bài hát 1 lần nữa  - Cô chia trẻ làm 3 nhóm có khoảng cách nhất định: mỗi nhóm 1 chiếc ipad có bài em đi chơi thuyền. |
| **3. Giải thích (chia sẻ):** | 10 phút | Trẻ chia sẻ về nội dung câu chuyện vừa được khám phá qua tranh, sa bàn, trẻ chia sẻ về tình cảm, cảm xúc của mình với nhân vật trong truyện.  - Nhóm trẻ còn lại lắng nghe, đặt cậu hỏi cho nhóm chia sẻ | - Cô hỏi các nhóm vừa rồi đã khám phá bài hát bằng các dụng cụ âm nhạc thế nào? Trẻ chia sẻ  về cách mà trẻ vừa làm theo từng nhóm ( vừa hát vừa sử dụng dụng cụ xắc xô, vỗ tay, cốc,..) |
| **4. Áp dụng** | 10 phút | Cho trẻ thực hiện vui vẻ, xử dụng các dụng cụ âm nhạc để vỗ theo nhịp điều | Cho các nhóm vừa hát vừa sử dụng đồ dùng nhạc cụ của mình để gõ theo nhịp bài hát “em đi chơi thuyền” (biểu diến)  - Làm 1 chiếc kèn tạo ra âm thanh bằng lõi giấy vệ sinh để trẻ thực hiện tạo ra bản nhạc và giai điệu cho bài hát (để hoạt động này sang buổi sau ) |
| **5. Đánh giá** | 5 phút | - Trẻ đưa ra nhận xét bạn và nhóm của mình. | - GV quan sát và đánh giá trẻ xem đã nhớ được ND bài hát chưa? Bài hát nói về ai? (Đánh giá trẻ dựa trên kỹ năng 4C: Tư duy phản biện, sáng tạo, hợp tác, giao tiếp). |

**\* Đánh giá trẻ hàng ngày** (Đánh giá những vấn đề nổi bật về: Tình hình sức khỏe; trạng thái cảm xúc; thái độ và hành vi của trẻ; kiến thức, kỹ năng của trẻ)

**GIÁO ÁN STEAM CHẾ TẠO HỐN HỢP TẨY DA CHẾT**

**Đối tượng: Trẻ 4 - 5 tuổi**

**I. MỤC TIÊU:**

 \* **Khoa học:** Trẻ biết cấu tạo của bề mặt da, hiểu về tế bào da chết trên cơ thể con người. Biết tên gọi, tính chất, công dụng của các loại nguyên vật liệu để làm hỗn hợp tấy da chết: Chanh, dầu dừa, muối. Trẻ biết thể hiện sự chăm sóc, quan tâm tới cô giáo các bạn cùng lớp khi tẩy da chết cho nhau.

**\* Công nghệ:** Trẻ biết sử dụng công cụ, dụng cụ trong quá trình khám phá: Cốc, thìa, bát..

**\* Kỹ thuật:** Trẻ nắm được quy trình tạo ra hỗn hợp tẩy da chết bằng chanh và muối, dầu dừa

**\* Nghệ thuật:** Trẻ biết cảm nhận một làn da đẹp mịn màng sau khi tẩy da chết

**\* Toán học:** Trẻ biết khái niệm 1 nửa ( quả chanh), đong bằng dụng cụ ( thìa).

**II. CHUẨN BỊ:**

- Video khoa học tìm hiểu về cấu tạo của da và lớp da chết.

- Slide Quy trình tạo hỗn hợp tẩy da chết

-  Lọ muối, 3 quả chanh tươi, lọ dầu dừa,

- Bát nhỏ, thìa đủ cho trẻ sử dụng

**II. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các bước** | **Thời lượng** | **HĐ của học sinh** | **HĐ của giáo viên** |
| **1. HỎI** | 7 - 10 phút | - Lắng nghe. Chia sẻ những kiến thức và hiểu biết của mình về làn da  - Thảo luận và đưa ra ý kiến của mình.  - Trẻ đưa ra ý kiến, chia sẻ giải pháp với vấn đề cô giáo đưa ra.  - Trẻ hỏi về công thức làm da chết | - Chơi trò chơi: Sờ và cảm nhận làn da tay của tất cả các thành viên trong lớp.  - Cô trò chuyện, lắng nghe trẻ chia sẻ về làn da sau khi trẻ cảm nhận được.  - Tạo bối cảnh để trẻ giải quyết: Làm thế nào để tẩy da chết cho làn da của các thành viên trong lớp được khỏe hơn, đẹp hơn và mịn màng hơn? |
| **2. TƯỞNG TƯỢNG** | 7 phút | - Trẻ tìm hiểu về các nguyên vật liệu làm hỗn hợp tẩy da chết: Chanh, muối dầu dừa  Trẻ tưởng tượng các bước làm và cách làm hỗn hợp tẩy da chết từ những nguyên liệu đó.  - Đong bao nhiêu thìa muối? Bao nhiêu thìa dầu dừa? Mấy quả chanh?  - Chia nhóm, thảo luận các bước làm hỗn hợp tẩy da chết | - Hỗ trợ, chia nhóm.  - Quan sát, ghi nhận ý tưởng của trẻ.  - Cô cho trẻ xem quy trình sau khi trẻ tìm hiểu. |
| **3. LẬP KẾ HOẠCH** | 1. phút | - Trẻ xác định bước đầu tiên sẽ sử dụng nguyên liệu gì?  -Vẽ lại quy trình các bước ra giấy. | -  Giáo viên quan sát, ghi nhận. |
| **4. SÁNG TẠO** |  | - Trẻ thực hiện làm sản phẩm theo bảng quy trình các bước của cô. | GV hỗ trợ các nhóm trong quá trình thực hiện.  Chú ý quan sát quá trình trẻ đong đo. |
| **5. CẢI TIẾN** |  | + Nếu hỗn hợp tẩy da chết của trẻ bị lỏng quá hoặc muối bị tan ra chưa có dộ sền sệt. Cho trẻ tìm ra nguyên nhân và giải pháp khắc phục hoặc có thể bắt đầu lại quy trình. | - GV quan sát và đánh giá trẻ xem đã nắm được chưa?  - Nắm được đến đâu rồi? (Đánh giá trẻ dựa trên kỹ năng 4C: Tư duy phản biện, sáng tạo, hợp tác, giao tiếp). |

**\* Đánh giá trẻ hàng ngày** (Đánh giá những vấn đề nổi bật về: Tình hình sức khỏe; trạng thái cảm xúc; thái độ và hành vi của trẻ; kiến thức, kỹ năng của trẻ)

**GIÁO ÁN 5E**

**Đề tài: Thí nghiệm sự đổi màu của hoa**

**Lứa tuổi: 3 - 4 tuổi**

**I. Mục đích – yêu cầu:**

***\* S ( Khoa học):***

- Khám phá tìm hiểu mạch gỗ và sự thấm hút

- Trẻ nhận biết được tên và đặc điểm của hoa cúc, hồng trắng

***\* T (Công nghệ):***

- Trẻ biết cách sử dụng đồ dùng làm thí nghiệm: cốc, thìa, màu nước…

- Trẻ biết cách cắm những lọ hoa, giỏ hoa, xốp hoa.

***\* E (Kỹ thuật):***

 - Trẻ biết thực hiện thí nghiệm chuyển màu cho hoa theo quy trình

***\* A (Nghệ thuật):***

- Trẻ làm những bông hoa màu trắng trở lên nhiều màu hấp dẫn và lôi cuốn.

- Trẻ cắm được những hình dáng lọ hoa, giỏ hoa, xốp hoa mà trẻ thích.

***\* M (Toán học):***

- Nhận biết mức nước nhiều, ít

**II. Chuẩn bị:**

- Hoa cúc, hồng màu trắng

- Màu nước đỏ, xanh, vàng, khăn lau, thìa nhựa, cốc thủy tinh có dán vạch định vị lượng nước, ca đựng nước

- Xốp cắm hoa, lọ cắm hoa, giỏ cắm hoa

**III. Cách tiến hành**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | **Hoạt động của trẻ** | **Hoạt động của cô** |
| ***1. Gắn kết*** | - Cô tạo bối cảnh: Trò ảo thuật: Hoa đổi màu  -GV che khăn cho bông hoa trắng cắm lọ, sau đó làm xuất hiện lọ hoa có bông trắng nhưng đã nhuôm màu | - Trẻ quan sát và phát hiện sự thay đổi  màu sắc của bông hoa  -Trẻ đặt câu hỏi cho cô: Vì sao hoa đổi màu? |
| ***2. Khám phá*** | - Cô cho trẻ quan sát mô hình cây có gắn sợi dây vào thân và nhúng vào đĩa nước màu  -GV dạy trẻ nhận biết “mạch gỗ” và hiện tượng thấm hút  -GV tổ chức cho trẻ nhuộm màu cho hoa theo nguyên lý thấm hút nước  - Quan sát và nhận biết lượng nước trong cốc so với vạch định vị ban đầu  - Quan sát màu của bông hoa trước và sau 1 ngày | - Trẻ quan sát và cảm nhận bằng sự di chuyển của nước màu khi thấm hút vào các sợi dây  -Trẻ nhận biết sự thấm hút nước của cây qua hoạt động cắm hoa trắng vào cốc nước màu và quan sát lượng nước bị rút đi so với vạch ban đầu  - Trẻ ghi lại quá trình chuyển màu của hoa. |
| ***3.Giải thích, chia sẻ*** | -GV tổ chức cho trẻ chia sẻ kết quả quan sát được với các bạn:lượng nước rút đi so với lượng nước ban đầu, hoa đã hút nước màu đó nên hoa có màu giống với màu của nước  => Cô kết luận: Cành hoa màu trắng, cắm trong cốc nước màu, hoa và gân lá sẽ chuyển sang màu hồng, xanh, vàng… Vì cành hoa hút nước và nước màu đã được thân cành hoa vận chuyển lên biến đổi màu cho hoa và lá. | - Trẻ chia sẻ các bước mình thực hiện, sự thay đổi của các cánh hoa dần  đổi màu. Hoa cắm trong cốc nước màu đỏ, vàng, xanh.., hoa hút nước, hoa và gân lá chuyển sang màu hồng, vàng, xanh… |
| ***4. Áp dụng*** | - Cô cho tổ chức cho trẻ hoạt động cắm hoa trang trí lớp học  - Cô hướng dẫn trẻ lấy đồ dùng về nhóm.  - Cô hỏi trẻ về đồ dùng mình có?  - Vậy bây giờ với những bông hoa chúng mình có hãy cùng nhau cắm 1 lọ hoa hoặc 1 giỏ hoa thật đẹp để trang trí cho lớp học của mình.  - Sau khi cắm hoa xong cô cho từng nhóm lên giới thiệu về sản phẩm của mình. Và hỏi trẻ muốn để lọ hoa ở vị trí nào trong lớp. | - Trẻ lấy đồ về nhóm  - Trẻ trả lời: Nhóm con có lọ hoa, hoặc có giỏ hoa và xốp.  - Trẻ thực hiện theo quy trình tạo hình giỏ hoa, cốc hoa, lọ hoa    - Trẻ chia sẻ về sản phẩm |
| ***5. Đánh giá*** | - Cô nhận xét về sản phẩm và tuyên dương trẻ.  - Cô cùng trẻ đặt lọ hoa về vị trí trẻ muốn đặt và cùng trẻ thu dọn đồ dùng. | - Trẻ lắng nghe  - Trẻ thu dọn cùng cô,  chuyển hoạt động. |

**\* Đánh giá trẻ hàng ngày** (Đánh giá những vấn đề nổi bật về: Tình hình sức khỏe; trạng thái cảm xúc; thái độ và hành vi của trẻ; kiến thức, kỹ năng của trẻ)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ưu điểm** | **Hạn chế** | **Cải thiện** |
|  |  |  |

**GIÁO ÁN BÒ THEO HƯỚNG THẲNG**

**Đối tượng: Trẻ 3-5 tuổi**

**I.MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU:**

**1.Kiến thức:**

**\* Khoa học:** Trẻ biết về lợi ích của vận động với sức khỏe, cơ thể. Cách đặc điểm, tính chất của đồ dùng

**\* Công nghệ:** Cách sử dụng các loại vật liệu sẵn có để tạo ra đường thẳng.

**\* Kỹ thuật:** Các bước thực hiện vận động, phối hợp nhịp nhàng tay, chân mắt để thực hiện vận động

**\* Nghệ thuật:** Trẻ xếp con đường khéo léo, thẳng từ các vật liệu sẵn có.

**\* Toán:** Trẻ sẽ khám phá về số đếm, thứ tự: trước, sau.

**\* Yêu cầu:**

+ Trẻ biết cách bò phối hợp chân nọ tay kia không chạm vào đường thẳng.

+ Trẻ biết tạo ra đường thẳng từ các nguyên vật liệu khác nhau để bò qua.

**2. Kỹ năng**:

+ Trẻ phối hợp các bộ phận nhịp nhàng khi thực hiện vận động.

+ Trẻ bò khéo léo không chạm vào đường thẳng.

+ Trẻ biết sử dụng cách vật liệu để tạo ra con đường.

**3. Giáo dục**

- Trẻ tích cực, vui vẻ tham gia vào bài tập.

**II. CHUẨN BỊ VẬT LIỆU**

+ Gậy thể dục

+ gạch

+ Sân tập

+ dây

Địa điểm tổ chức: Trong lớp học.

**II. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các bước** | **Thời lượng** | **HĐ của học sinh** | **HĐ của giáo viên** |
| **1. Gắn kết** |  | - Lắng nghe.  - Trả lời câu hỏi.  - Thảo luận và đưa ra ý kiến của mình. | - Đưa ra thử thách: Di chuyển đến giải cứu bạn thỏ làm thế nào để có thể vượt qua nhỉ? (đặt câu hỏi 5w1h) (trẻ đưa ra ý kiến). Chúng mình sẽ cùng bò qua nhé.  - Để không bị phát hiện chúng ta cần tạo ra 1 con đường đi bí mật đó là đường thẳng. |
| **2. Khám phá(khảo sát):** | 7 phút | - Trẻ cùng nhau về nhóm và khám phá 1 loại vật liệu làm chướng ngại vật.  - Khám phá sân tập  - Trẻ tạo ra các đường thẳng từ các nguyên liệu đã chọn.  - Khám phá các bước thực hiện vận động | - Hỗ trợ trẻ chia nhóm  - Đặt câu hỏi để trẻ nói ra ý tưởng, cách làm của nhóm mình.  - Cô làm mẫu.  - Quan sát, sửa sai cho trẻ |
| **3. Giải thích (chia sẻ):** | 10 phút | - Trẻ thực hiện lần 1.  - Trẻ chia sẻ về các bước trẻ thực hiện, khó khăn trẻ gặp trong quá trình thực hiện.  - Cải thiện chướng ngại vật của mình nếu chưa phù hợp ( rộng hơn, hẹp hơn,..) | - Hỏi trẻ về cách trẻ vừa thực hiện vận động, làm thế nào con bò được qua đường thẳng mà không bị chạm vào 2 bên đường thế?  - Cô đặt câu hỏi/giải thích cho trẻ giúp trẻ cải thiện các kỹ năng vận động và những khó khăn trong quá trình thực hiện. |
| **4. Áp dụng** | 10 phút | - Trẻ luyện tập vận động | Cô quan sát, động viên khuyến khích trẻ thực hiện.  - Đưa thêm thử thách với trẻ đã tập tốt.  - Động viên, hỗ trợ những trẻ còn chưa thực hiện được. |
| **5. Đánh giá** |  | - Trẻ cùng cô luyện tập củng cố  - Chơi trò chơi. | - GV quan sát và đánh giá trẻ xem trẻ đã thực hiện được vận động chưa?  - Điều chỉnh yêu cầu của bài tập phù hợp với thể lực của trẻ.  - Bổ trợ thêm vận động cho các trẻ còn yếu vào các hoạt động khác ( |

**\* Đánh giá trẻ hàng ngày** (Đánh giá những vấn đề nổi bật về: Tình hình sức khỏe; trạng thái cảm xúc; thái độ và hành vi của trẻ; kiến thức, kỹ năng của trẻ)